

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỐ

## QUYỂN 54

*Phẩm thứ ba mươi chín: NHẬP PHÁP GIỚI*  
(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 60 trong kinh)

**A- Ý ĐƯA RA:** Trước là phân rõ về đưa ra Phần, nói về Hạnh thiết lập nhờ vào Chứng, Chứng sâu xa nhờ vào Hạnh, phần trước dựa vào pháp mà Hạnh thành tựu, ở đây dựa vào con người để tiến vào Chứng, cũng là giải đáp xa về biển Giải thoát. Hội-Phẩm đối với ý không khác với ý đưa ra Phần, cho nên không có Hội-Phẩm riêng biệt.

**B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI,** có ba:

Một- Tên gọi của Phần: Nghĩa là dựa vào Phật Bồ-tát và các Thiện hữu thù thắng, Chứng sâu vào pháp giới, cho nên gọi là dựa vào con người để tiến vào Chứng, Chứng pháp thuộc về mình gọi là thành tựu đức.

Hai- Tên gọi của Hội: Dựa theo nơi chốn gọi là Thệ Đa Lâm Viên Trùng Các Hội. Lâm tên gọi là Chiến Thắng, bởi vì biểu thị dựa vào con người. Viên tên gọi là Cấp Cô, dùng để biểu thị cho Bi sâu dày. Nghĩa của Trùng Các, bởi vì hiển bày hai Trí trang nghiêm lẫn nhau. Bi-Trí đều là chủ động chứng được, cũng là nghĩa của Trùng. Nếu bao gồm chọn lấy Thành tên gọi là Văn Vật, thì cũng biểu thị dựa vào con người. Dựa theo pháp, như giải thích về tên gọi của Phẩm.

Ba- Tên gọi của Phẩm: Nhập bao gồm chủ động-thụ động, nghĩa là tên gọi của Ngộ-Giải-Chứng-Đắc. Pháp giới là pháp đã tiến vào, nghĩa là Lý-Sự đều riêng biệt. Nhưng Pháp hàm chứa duy trì-quỹ phạm, Giới có nhiều nghĩa.

Lương Luận quyển thứ 15 nói: “Bởi vì muốn hiển bày về Pháp thân hàm chứa năm nghĩa của Pháp giới, cho nên chuyển tên gọi là Pháp giới: 1- Nghĩa về Tánh, dùng Ngã không hai làm Tánh, bởi vì tất

cả chúng sinh không vượt qua Tánh này. 2- Nghĩa về Nhân, bởi vì các pháp như bốn Niệm Xứ... của tất cả Thánh nhân, duyên vào đây mà sinh ra. 3- Nghĩa về Tạng, vốn là nơi ẩn kín của tất cả các pháp hư vọng, không phải là nơi có thể duyên vào của phàm phu-Nhị thừa. 4- Nghĩa về Chân Thật, vượt qua pháp thế gian, bởi vì pháp thế gian có lúc tự nhiên hủy hoại, có lúc hủy hoại do đối trị, mà Pháp giới Chân Thật là xa hai loại hủy hoại này. 5- Nghĩa về Thâm Thâm, nếu tương ứng với Pháp giới này thì tự tánh trở thành pháp thiện thanh tịnh, nếu không tương ứng thì tự tánh trở thành vô cứng bên ngoài.”

Năm nghĩa trên đây đều là Pháp giới thuộc Lý. Lại có nghĩa về Trì (Duy trì), nghĩa về Tộc (Chủng tộc) và nghĩa về Phần tử (Phạm vi giới hạn).

Nhưng nghĩa về Trì, uyển chuyển quay lại có ba: 1- Duy trì Thể-Tướng của mình; 2- Duy trì các pháp sai biệt; 3- Duy trì chủng loại của mình, không tạp loạn lẫn nhau, giống với nghĩa của Pháp. Tộc là chủng tộc, tức là mười tám Giới. Hai nghĩa trên đều bao gồm Sự-Lý. Phần Tử, là pháp thuộc Sự duyên khởi mà không xen tạp với nhau, trong đó Tánh bao gồm Y chủ thích-Trì nghiệp thích, Nhân chỉ là Y chủ thích, sáu loại sau chỉ là Trì nghiệp thích. Tâm và Cảnh hợp lại gọi là Nhập Pháp Giới, bắt đầu là Tương vi thích, cuối cùng là Trì nghiệp thích, mà Nhập tức là Pháp Giới.

**C- TRÌNH BÀY VỀ TÔNG THỨ:** Phân-Hội-Phẩm giống nhau, đã là Nhập Pháp Giới làm tên gọi, tức là dùng làm Tông. Trong đó có ba mục phân biệt: Một- Dựa theo Nghĩa; Hai- Dựa theo Loại; Ba- Dựa theo phần vị.

Trong mục một- Dựa theo Nghĩa, có hai mục:

**Mục 1-** Trình bày về thụ động tiến vào (Sở nhập), tổng quát chỉ có một pháp giới vô ngại chân thật, nói về Tánh-Tướng ấy thì không ra ngoài Sự-Lý, tùy theo nghĩa riêng biệt hiển bày sơ lược có năm môn: Một- Pháp giới hữu vi; Hai- Pháp giới vô vi; Ba- Pháp giới hữu vi-vô vi (Câu thị); Bốn- Không phải là Pháp giới hữu vi-vô vi (Câu phi); Năm- Không có gì chướng ngại. Năm môn này đều có hai môn.

Một- Pháp giới hữu vi, có hai:

1- Bản thức có thể duy trì chủng tử của các pháp, gọi là pháp giới. Luận Duy Thức nói: “Giới... từ thời vô thủy đến nay.” Đây là dựa theo nghĩa về Nhân, mà Thể của Giới ấy không dựa theo Pháp thân.

2- Giới hạn sai biệt về pháp của ba đời, gọi là Pháp giới. Phẩm Bất Tư Nghị nói: Tất cả chư Phật nhận biết về tất cả pháp giới quá khứ,

đều không có gì sót lại... Đây tức là nghĩa về Phần Tê.

Hai- Pháp giới vô vi, có hai:

1- Môn tánh tịnh, bởi vì ở trong phần vị phàm phu, tánh luôn luôn thanh tịnh, cùng một vị Chân Không mà không có sai biệt.

2- Môn ly cấu, nghĩa là do đối trị mới hiển bày thanh tịnh, tùy theo hành cạn-sâu mà phân ra mười loại.

Ba- Pháp giới cũng hữu vi-cũng vô vi (Câu thị), có hai:

1- Môn tùy tướng, nghĩa là ba uẩn Thọ-Tướng-Hành và năm loại Sắc, cùng với tám Vô vi, mười sáu pháp này chỉ là do ý mà nhận biết, trong mười tám Giới gọi là Pháp giới.

2- Môn vô ngại, nghĩa là pháp giới thuộc về một tâm hàm chứa đầy đủ hai môn, một là môn thuộc về tâm Chân Như, hai là môn thuộc về tâm Sinh Diệt. Tuy hai môn này đều tự mình tổng quát thấu nhiếp tất cả các pháp, nhưng hai phần vị ấy luôn luôn không xen tạp với nhau, giống như sóng thuộc về nước mà không phải là lặng yên, nước thuộc về sóng mà không phải là lay động.

Hồi hướng thứ tư nói rằng: Đối với Giới hữu vi nêu ra Pháp vô vi, mà không hoại diệt Tướng của hữu vi; đối với Giới vô vi nêu ra Pháp hữu vi, mà không phân biệt Tánh của vô vi. Đây là trình bày về Sự-Lý vô ngại.

Bốn- Pháp giới không phải là hữu vi-không phải là vô vi (Câu phi), có hai:

1- Môn hình đoạt, nghĩa là không có duyên nào không duyên với Lý, cho nên không phải là hữu vi; không có Lý nào không phải Lý của duyên, cho nên không phải là vô vi. Thể của pháp bình đẳng, so sánh làm mất đi, cả hai đều phai mờ.

Trong kinh Đại Phẩm quyển thứ 39: “Tu-bồ-đề thưa với Đức Phật rằng: Đều là pháp bình đẳng, vì là hữu vi hay vì là vô vi? Đức Phật dạy rằng: Không phải là pháp hữu vi, không phải là pháp vô vi, nguyên cơ thể nào? Bởi vì lìa xa pháp hữu vi thì pháp vô vi không thể có được, lìa xa pháp vô vi thì pháp hữu vi không thể có được. Nay Tu-bồ-đề, tánh hữu vi-tánh vô vi này, là hai pháp không hợp lại-không tản ra.” Chính là nói đến nghĩa này.

2- Môn vô kí, nghĩa là pháp giới này lìa xa Tướng-lìa xa Tánh, cho nên không phải là hai loại này. Lại bởi vì không phải là hai Đố. Lại bởi vì không phải là hai pháp mà danh ngôn có thể đạt tới. Vì thế cho nên không phải là hữu vi-không phải là vô vi.

Kinh Giải Thâm Mật quyển thứ nhất nói: “Tất cả các pháp, tóm

lược có hai loại, đó gọi là hữu vi-vô vi, trong này hữu vi không phải là hữu vi-không phải là vô vi, vô vi không phải là vô vi-không phải là hữu vi...”

Năm- Pháp giới không có gì chướng ngại, có hai:

1- Môn phổ nhiếp, nghĩa là đối với bốn môn trên đây, tùy theo một môn tức là thâm nhiếp tất cả các môn còn lại. Vì thế cho nên Thiện Tài, hoặc là nhìn thấy núi biển, hoặc là nhìn thấy nhà cửa, đều gọi là Nhập Pháp Giới.

2- Môn viên dung, nghĩa là dùng Lý mà dung thông với Sự, khiến cho Sự không có phạm vi giới hạn, vi trần không phải là nhỏ bởi vì có thể dung nạp mười thế giới, vô số thế giới không phải là lớn bởi vì tiềm ẩn vào trong một vi trần; dùng Sự mà hiển bày Lý, khiến cho Lý không phải là không có phân biệt, nghĩa là một nhiều không có gì ngăn ngại, hoặc là nói một pháp giới, hoặc là nói nhiều pháp giới, nhưng bởi vì một không phải là một cho nên tức là nhiều, nhiều không phải là nhiều cho nên tức là một, cho đến trùng trùng vô tận. Vì thế cho nên Thiện Tài nắm tay trong một thời gian ngắn mà đã trải qua nhiều kiếp, vừa mới đi vào lầu gác thì thấy rộng khắp không có giới hạn. Đây là loại này.

Mười nghĩa của năm môn trên đây, tổng quát trình bày về pháp giới thụ động tiến vào, đều thuận theo dùng sáu tướng mà dung thông.

**Mục 2-** Trình bày về chủ động tiến vào (Năng nhập), cũng có năm môn:

Một- Tịnh tín; Hai- Chánh giải; Ba- Tu hành; Bốn- Chứng đắc; Năm- Viên mãn.

Năm môn này, đối với pháp giới thụ động tiến vào trước đây, đều có hai môn: 1- Tùy theo một chủ thể tiến vào bao gồm năm thụ động tiến vào, tùy theo một thụ động tiến vào khắp nơi năm chủ động tiến vào. 2- Năm chủ động tiến vào này như thứ tự ấy, đều tiến vào một môn.

Mười môn của hai nghĩa thuộc về Tâm-Cảnh trên đây, sáu tướng viên dung toàn bộ làm thành một Tự pháp giới không có gì chướng ngại.

**Mục hai-** Dựa theo Loại, Pháp giới thuộc về chủng loại khác nhau cũng có năm môn: Một- Thụ động tiến vào; Hai- Chủ động tiến vào; Ba-Không có hai loại; Bốn- Cả hai phai mờ; Năm- Còn mất vô ngại.

Một- Thụ động tiến vào, cũng có năm lớp: 1- Pháp giới thuộc về pháp; 2- Pháp giới thuộc về con người; 3- Cả hai dung thông; 4- Cả hai phai mờ; 5- Không có gì chướng ngại.

1- Pháp giới thuộc về pháp, có mười: Một- Pháp giới thuộc về Sự,

nghĩa là mười lớp nhà cửa cư trú...; Hai- Pháp giới thuộc về Lý, nghĩa là cùng một vị trong lặng...; Ba- Pháp giới thuộc về Cảnh, nghĩa là phạm vi giới hạn đã nhận biết...; Bốn- Pháp giới thuộc về Hạnh, nghĩa là Bi-Trí rộng sâu...; Năm- Pháp giới thuộc về Thể, nghĩa là Tịch diệt Vô sinh...; Sáu- Pháp giới thuộc về Dụng, nghĩa là thần thông thù thắng tự tại...; Bảy- Pháp giới thuộc về Thuận, nghĩa là sáu Độ-Chánh hạnh...; Tám- Pháp giới thuộc về Nghịch, nghĩa là năm loại nóng bức không có chán ngán...; Chín- Pháp giới thuộc về Giáo, nghĩa là những ngôn thuyết đã nghe...; Mười- Pháp giới thuộc về Nghĩa, nghĩa là ý nghĩa tôn chỉ đã giải thích... Mười pháp giới này cùng chung một duyên khởi, dung hòa trọn vẹn không có gì ngăn ngại, một đầy đủ tất cả.

2- Pháp giới thuộc về con người, cũng có mười môn, đó là người-trời, nam-nữ, tại gia-xuất gia, ngoại đạo-các Thần, Bồ-tát và Phật. Đây đều là Tướng phần của duyên khởi đan xen nhau mà không tạp loạn, Thiện Tài thấy rồi liền tiến vào pháp giới, cho nên gọi là Nhập Pháp Giới.

3- Pháp giới thuộc về con người và pháp cùng dung thông, nghĩa là mười môn thuộc về con người và mười môn thuộc về pháp trước đây cùng chung một duyên khởi, tùy theo nghĩa về Tướng phần dung hòa thâm nhiếp không hai.

4- Pháp giới thuộc về con người và pháp cùng phai mờ, nghĩa là Quả hải bình đẳng lìa xa ngôn từ-số lượng, Tánh-Tướng của duyên khởi đều không thể nói được.

5- Pháp giới không có gì chướng ngại, nghĩa là hợp với bốn câu phân biệt trước đây, một-khác không có gì ngăn ngại đối với con người và pháp ấy, còn-mất không ngăn ngại, tự tại viên dung, như Lý suy nghĩ điều này.

Hai- Trình bày về chủ động tiến vào, cũng có năm lớp: 1- Thân; 2- Trí; 3- Cả hai; 4- Phai mờ; 5- Viên dung.

Nghĩa là đi vào lâu quán mà trở lại hợp với Thân Chứng. Trí Chứng xét kỹ Sự-Lý vô biên. Giống như Phổ Hiền mà cùng Chứng rộng khắp mọi nơi. Thân-Trí ngay trong nhau mà cả hai mất đi, cả hai phai mờ. Một- khác, còn-mất mà không có gì ngăn ngại, tự tại viên dung. Còn lại có thể dựa theo nhận biết.

Ba- Chủ động và thụ động tự nhiên dung hòa không hai, phạm vi giới hạn không phân biệt, dựa vào nghĩa tách ra khác nhau mà Lý vẫn không xen tạp. Năm lớp về chủ động-thụ động này như thứ tự và bao gồm, có thể dùng ý hiểu được.

Bốn- Chủ động và thụ động viên dung, so sánh làm mất đi cùng phai mờ.

Năm- Một và khác, còn và mất đầy đủ không có gì ngăn ngại, như Lý suy nghĩ điều này. Trên đây là dựa theo Loại để phân rõ về pháp giới, xong.

**Mục ba-** Dựa theo phần vị trình bày về tiến vào pháp giới. Dựa theo trong văn sau, thụ động tiến vào pháp giới, tất cả phần vị có hai, tức là nhân và quả. Đối với con người và pháp trước đây, tất cả đều là quả Phật đã thu nhận, tức là pháp giới tự tại đã hiện rõ ra từ Tam-muội Sư Tử Tân Thân của Như Lai. Lại đối với con người và pháp trước đây, tất cả đều thuộc về phần vị nhân đã thâu nhiếp, tức là pháp môn của pháp giới đã hiện rõ ra từ Văn Thù-Phổ Hiền. Trong nhân uyển chuyển quay lại có pháp giới không giống nhau thuộc năm phần vị như Tín...

**Mục 2-** Trình bày về chủ động tiến vào, dựa theo văn cũng có hai: Đối với phần vị thuộc Quả trước đây, trình bày về pháp giới nhanh chóng tiến vào của các Bồ-tát; đối với phần vị thuộc Nhân trước đây, dựa vào nhân quả để hiển bày về pháp giới từng bước tiến vào của Thiện Tài. Nhanh chóng và từng bước (Tiệm-đốn) đã không có gì ngăn ngại, cũng chính là viên dung, nhưng dùng giáo pháp theo thứ tự trước sau để giải thích thành tựu, phải dựa vào phần vị riêng biệt ấy mà thôi.

**D- CHÍNH THỨC GIẢI THÍCH VĂN:** Toàn bộ một phẩm phân làm hai phần: Một- Trình bày về Hội này; Hai- Từ “Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi tụng Thiện Trú lâu các xuất...” trở xuống là trình bày về Hội cuối cùng.

Cũng trước là trình bày về pháp giới thuộc Quả, sau là trình bày về pháp giới thuộc Nhân. Lại trước là trình bày về pháp giới nhanh chóng tiến vào, sau là trình bày về pháp giới từng bước tiến vào. Lại trước là tổng quát, sau là riêng biệt, tổng quát-riêng biệt viên dung, đầu và cuối không có gì ngăn ngại. Lại trước tức là không tu mà nhanh chóng chứng đạt, là tận cùng của Chánh Tông; sau là dựa vào người tu tập tiến vào, để phân rõ về Lưu Thông. Lưu Thông-Chánh Tông viên dung, giữa và sau không có gì ngăn ngại.

**Phần một:** Trình bày về Hội này, Trường hàng phân làm mười phần: 1- Phần Tựa; 2- Phần Thưa thỉnh; 3- Phần Hiện tướng Tam-muội; 4- Phần Chúng mới từ xa đến; 5- Phần Nêu ra mất hiển bày được; 6- Phần Kệ tụng ca ngợi đức; 7- Phần Phổ Hiền khai triển rộng ra; 8- Phần Hào quang thị hiện lợi ích; 9- Phần Văn Thù thuật rõ về đức; 10- Phần Đại Dụng không có giới hạn.

**Phần 1-** Phần Tựa: Tuy nghĩa xuyên suốt đến Hội cuối cùng, mà bởi vì thuận theo nơi khác, cho nên chỉ phân định thuộc về phần đầu. Văn phân làm ba: a- Trí chánh giác thế gian viên mãn; b- Từ “Tại Thất-la-phiệt...” trở xuống là Khí thế gian viên mãn; c- Từ “Dữ Bồ-tát...” trở xuống là Chúng sinh thế gian viên mãn.

**Phần a-** Trí chánh giác thế gian viên mãn. Nói là Thế Tôn, tiếng Phạn nói là Bạc-già Phạm, bao hàm sáu nghĩa, như luận Phật Địa: “1-Nghĩa về tự tại, bởi vì vĩnh viễn không hệ thuộc các phiền não; 2-Nghĩa về xí thanh, bởi vì nung đốt rèn luyện từ ánh sáng của Trí giống như ngọn lửa mạnh; 3- Nghĩa về đoan nghiêm, bởi vì trang nghiêm từ ba mươi hai tướng tốt; 4- Nghĩa về danh xưng, bởi vì tất cả công đức thù thắng đều viên mãn, không có gì không nhận biết; 5- Nghĩa về cát tường, bởi vì tất cả thế gian đều gần gũi cúng dường, tất cả đều ca ngợi; 6- Nghĩa về tôn quý, bởi vì đầy đủ tất cả công đức, thường phát khởi phương tiện làm lợi ích cho thế gian, an lạc cho tất cả mà không hề lo lắng bỏ dỡ.”

Nay nêu ra phần sau bao gồm phần đầu, cũng là nêu lên con người mà chọn lấy pháp, đầy đủ đức vô tận, cho nên gọi là Thế Tôn.

Trong phần b là Khí thế gian viên mãn, có ba:

Một- Đô thành của đất nước, Trung Hoa nói là Văn Giả, trong Tây Vực Ký nói: “Xưa có vị Tiên già nua trú ở nơi này, sau có vị Tiên trẻ tên gọi là Văn Giả, ở nơi ấy theo học vị Tiên già. Về sau vị Tiên già mất đi, vị Tiên trẻ ở nơi này kiến lập thành quách, cho nên chọn lấy tên gọi ấy.” Cũng nói là Văn Vật, bởi vì Đô thành này xuất hiện nhiều nhân vật nổi tiếng, thông minh hiểu nhiều biết rộng, tức là vùng Trung Ấn Độ.

Hai- Từ “Thệ-đa...” trở xuống là trình bày về vườn rừng. Thệ-đa là âm tiếng Phạn, Trung Hoa nói là Chiến Thắng, tức là tên gọi của Thái tử. Cấp Cô Độc, tiếng Phạn nói là Tu-đạt-đa, chính xác nói là cứu giúp những người không nơi nương tựa (Chấn Tế Vô Y), nghĩa nói là cung cấp giúp cho những người cô độc (Cấp Cô Độc), tức là tên gọi của Trưởng giả. Trưởng giả nhân từ mà thông minh, tích lũy mà luôn luôn phát ra, chu cấp những người thiếu thốn, cứu giúp những người nghèo khổ, thương xót trẻ mồ côi, nghĩ đến người già yếu, thời bấy giờ ca ngợi đức hạnh ấy cho nên lập thành tên gọi này. Trưởng giả trải vàng mua đất, Thái tử cúng dường cây cối, chung nhau thành tựu công lao và sự nghiệp. Hai người chuẩn mực sùng kính, cùng lập thành tên gọi của Già-lam.

Ba- Trình bày về Trùng Các, tức là nơi thuyết pháp, biểu thị cho pháp giới đã chứng được, Thể không có gì không rộng khắp gọi là Đại, Đức không có gì không đầy đủ gọi là Nghiêm, dựa vào Thể khởi Dụng là Trùng Các.

*Phần c* là Chúng sinh thế gian viên mãn, tức là quyến thuộc giúp đỡ viên mãn, trong đó có ba mục: Một: Bồ-tát; Hai: Thanh văn; Ba: Các vị Thế chủ.

Trong mục một cũng có ba: 1- Đưa ra số lượng; 2- Nêu ra tên gọi; 3- Ca ngợi về đức.

**Mục 1-** Đưa ra số lượng: Ở Hội này nêu lên tên gọi Bồ-tát thì ít, nêu ra tên gọi lại nhiều, là vốn có những biểu thị. Trong số lượng muốn hiển bày về năm phần vị chứng thực tiến vào (Chứng nhập) giống nhau, bởi vì phần vị đều có mười Độ, mỗi một Độ dung thông với nhau trở thành năm trăm, mà phần vị Diệu giác thứ sáu là đã tiến vào. Lại biểu thị cho Giải-Hạnh thì nhiều mà Chứng thì hiếm có.

**Mục 2-** Từ “Phổ Hiền...” trở xuống là nêu ra tên gọi, phân ba: a- Nêu lên vị Thượng Thủ; b- Nêu ra tên gọi riêng biệt; c- Tổng quát kết luận về số lượng.

**Mục a-** Nêu lên vị Thượng Thủ: Bởi vì hai vị Đại Thánh là vị Chủ giúp đỡ giáo hóa, lại vốn có những biểu thị, đến văn sau sẽ trình bày.

**Mục b-** Từ “Kỳ danh viết...” trở xuống là trong riêng biệt nêu ra, có mười bốn phần vị, mỗi phần vị đều có mười, trong đó cũng có tăng giảm, thành ra một trăm bốn mươi một người, mỗi tên gọi một nghĩa, đều có ý nghĩa sâu xa.

Nay tạm thời dựa vào biểu thị, tất cả phân làm hai: Trước là bốn mươi một người, tất cả biểu thị cho bốn phần vị như Trú...; sau từ “Thiên quan...” trở xuống là một trăm người thuộc mười phần vị, riêng biệt biểu thị cho mười Độ thuộc về mười Địa.

Trước là bốn mươi một người:

1- Mười Tràng, bởi vì biểu thị cho đức của Hạnh-Hồi Hưởng cao vượt lên.

2- Có chín Uy lực, bởi vì biểu thị cho Hạnh có thể tiến tới tu tập.

3- Mười Tạng biểu thị cho Địa, nghĩa giải thích như trước.

4- Có mười hai Nhãn, bởi vì biểu thị cho Giải có thể soi chiếu về pháp.

Sở dĩ không theo thứ tự, là bởi vì muốn biểu thị cho phần vị viên dung, cho nên không có trước-sau.

Sau là trong mười phần vị như thứ tự, riêng biệt biểu thị cho mười



Độ thuộc về mười Địa theo thứ tự trước-sau:

1- Mười Quan (Hoan Hỷ Địa), Địa thứ nhất làm mũ đội ở trên đầu của các Địa, bởi vì mũ của Bồ thí là đầu tiên của các Hạnh. Lại trong mỗi một phần vị đều đầy đủ mười, là bởi vì trong một Địa đầy đủ công đức của tất cả các Địa, trong một Độ đầy đủ công năng của mười Độ, mà làm cho trang nghiêm.

2- Mười Kế (Ly Cấu Địa), là Trì giới không cấu nhiễm, giữ gìn tất cả mà làm cho cao quý.

3- Mười Quang (Phát Quang Địa), là ánh sáng của Văn trì phát ra mà soi chiếu Pháp nhãn.

4- Mười người lại gọi là Tràng (Diệm Tuệ Địa), là bởi vì ngọn lửa Trí tuệ làm cho tinh tiến vượt qua thế gian mà cao vượt lên. Lại bởi vì Đạo phẩm điều phục phiền não, tinh tiến điều phục kiêu mạn.

5- Mười Âm (Nan Thắng Địa), là Thiên định phát sinh thù thắng khó lường, làm cho căn cơ vui lòng vừa ý.

6- Mười Thượng (Hiện Tiền Địa), là Bát-nhã hiện rõ trước mắt mà làm cho cao quý nhất.

7- Mười Thắng (Viễn Hành Địa), là bởi vì trong phương tiện đi xa có được Hạnh thù thắng.

8- Có mười một người là vua tự tại (Bất Động Địa), là bởi vì Tướng-Dụng không thay đổi, Đại Nguyện không có gì ngăn ngại.

9- Mười người lại gọi là Âm (Thiện Tuệ Địa), là Trí tuệ khéo léo thuyết giảng giáo pháp mà phát sinh tự lực.

10- Có chín người cùng tên gọi là Giác (Pháp Vân Địa), là Pháp Vân nhận lấy chức vị thuộc về số lượng của Phật, Trí hiểu rõ về các pháp vốn không có gì bỏ sót. Nhưng mà Tràng... cũng có nghĩa nối thông, tương tự có thể biết.

*Mục c-* Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về số lượng.

**Mục 3-** Từ “Thử chư...” trở xuống là ca ngợi về đức, có mười một câu:

Câu đầu là tổng quát, tên gọi trên đây là tùy theo thích hợp để riêng biệt hiển bày, đều dùng một đức để thiết lập tên gọi, nay đức bởi vì dựa vào thật sự thông suốt bên trong, cho nên nói tất cả đều thành tựu Hạnh nguyện của Phổ Hiền.

Mười câu còn lại là riêng biệt, trong đó: Sáu câu trước trình bày về Dụng của Trí rộng khắp mọi nơi, bốn câu sau trình bày về Dụng của Trí lìa xa chướng. tất cả làm thành năm cặp: 1- Cảnh rộng khắp, nhiều thân làm một cặp, bởi vì tận cùng Y báo gần với Chánh báo. 2- Thấy

rõ Dụng, đến nơi Thật làm một cặp, bởi vì mười Nhân lia xa chướng thì không đi đến mà nhìn thấy, một niệm hợp với Thật thì thân tâm rộng khắp mọi nơi. 3- Bên trong soi chiếu, bên ngoài thuyết giảng làm một cặp. 4- Trí thanh tịnh, Sắc tùy theo làm một cặp. 5- Bi sâu xa, Trí rộng lớn làm một cặp, bởi vì Bi ngay nơi Trí cho nên đối với chúng sinh không có gì ngăn che, Trí không có gì ở ngoài cho nên soi chiếu giống như hư không. Trước đây đối với hư không tự chọn lấy nghĩa của thanh tịnh, nay chọn lấy nghĩa của rộng lớn.

**Mục hai-** Từ “Cập dữ...” trở xuống là phân rõ về chúng Thanh văn, trong văn có hai: 1- Nêu lên số lượng chủng loại; 2- Từ “Tất giác...” trở xuống là ca ngợi về đức, văn có mười câu. Nhưng chúng Thanh văn này đều là Bồ-tát, bởi vì muốn hiển bày về pháp sâu xa mà dựa vào làm chúng Thanh văn, cho nên nói về đức đã ca ngợi hàm chứa Bốn-Tích.

Nay giải thích làm hai môn:

**Môn một-** Ngay nơi Tích dựa vào Tiểu thừa có mười câu, đều là đức của Thanh văn:

1- Đạt được Hiện quán, bởi vì khéo léo hiểu biết rõ ràng đối với bốn Chân Đế.

2- Tiến vào Chánh tánh ly sinh, bởi vì đã Tác chứng mà không có Tuệ phương tiện.

3- Pháp học đã cùng tận, cho nên nói là tiến sâu vào. Kinh Pháp Hoa nói: “Chúng con cùng tiến vào pháp tánh, tức là ba loài thú vượt qua dòng sông, Lý vốn không hai.” Người xưa cũng lấy ba câu trên như thứ tự phối hợp với Kiến-Tu và Vô học.

4- Phần đoạn sinh tử đã hết, bởi vì thiếu mất Đại Bi, cho nên tự mình vĩnh viễn vượt ra.

5- Đức hữu vi-vô vi dựa vào Phật mà thành tựu, tức là đến được Tự lợi.

6- Đã không còn phiền não của quả báo sinh tử (Hữu kiết), nghĩa là bởi vì lia xa hiện hành của chín Kiết-mười Sử.

7- Không có phiền não làm chướng ngại, bởi vì chủng tử không còn.

8- Tâm khéo léo giải thoát, cho nên vắng lặng như hư không.

9- Tuệ khéo léo giải thoát, cho nên đối với Phật không có gì mê hoặc.

10- Rõ ràng không phải là Định tánh, bởi vì đều có thể hồi tâm, cho nên tin tưởng tiến vào Trí Phật.

**Môn hai-** Dựa theo Bốn môn, dựa vào Bồ-tát mà ca ngợi, kinh

Như Lai Bất Từ Nghị Cảnh Giới nói: “Lại có vô lượng trăm ngàn ức Bồ-tát, hiện rõ hình tướng Thanh văn, cũng đến ngồi trong pháp hội, tên gọi các vị ấy là Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên...” Rộng ra như kinh ấy trình bày, rõ ràng đều là Quyền thừa. Vì vậy, sau đó Thân Tử khiến Hải Giác... quán sát về đức của Văn Thù.

Trong mười câu: 1- Hiểu biết về Đệ nhất nghĩa. 2- Bởi vì phương tiện đã đầy đủ, cho nên có thể khéo léo tiến vào phạm vi không có giới hạn. 3- Bởi vì hiểu biết chân thật về hai Không, cho nên cùng tận nguồn gốc ấy. 4- Bởi vì đầy đủ Đại Bi, cho nên có thể tiến vào không nhiễm, mới vĩnh viễn vượt ra. 5- Bởi vì dựa vào mười Lực..., cho nên lia xa kiến chấp của Tiểu thừa. 6- Bởi vì không đoạn bỏ, không đi cùng mới có thể lia xa. 7- Bởi vì những nhận biết đã thanh tịnh, cho nên không có hai chương. 8- Ở nơi hỗn loạn mà luôn luôn vắng lặng, bởi vì hiểu rõ vốn là Không. 9- Đức bất cộng của Phật, tuy chưa chứng được mà cũng không nghi ngờ gì. 10- Nhất thiết chủng trí mà chứng thực tin tưởng tiến vào.

**Mục ba-** Từ “Cập dữ vô lượng...” trở xuống là các chúng Thế chủ, có hai: 1- Nêu lên số lượng chủng loại; 2- Từ “Tất tằng...” trở xuống là ca ngợi về đức.

Trong mười câu: Đầu là một câu ca ngợi về Phước. Tiếp là bốn câu ca ngợi về Bi, trong đó: Câu đầu là tổng quát, ba câu còn lại là riêng biệt: 1- Vô duyên mà ứng với tất cả; 2- Che chở nghĩ đến chúng sinh mới phát tâm; 3- Thề không rời bỏ chúng sinh ác. Tiếp là hai câu ca ngợi về Trí đức: 1- Trí tiến vào môn phương tiện (Quyền); 2- Hạnh bảo vệ Lý-Giáo, Chánh pháp bao gồm Lý, bảo vệ bao gồm Hạnh. Bảy câu trên đều là Hạnh. Câu tám tức là Nguyện, bởi vì Nguyện-Hạnh đầy đủ. Câu chín là tiến vào phần vị. Chín câu trên là Tự phần. Câu mười là Thắng tiến.

Trên đây là phần Tự, xong.

**Phần 2:** Từ “Thời chư Bồ-tát...” trở xuống là phần Thừa thỉnh, bởi vì các chúng quy tụ vốn là để nghe kinh. Văn phân làm hai: a- Nêu lên chúng nghĩ đến thừa thỉnh; b- Từ “Như Lai cảnh...” trở xuống là hiển bày về pháp đã thừa thỉnh.

**Phần a-** Từ “Thanh văn...” trở xuống là như đui điếc. Người có thể nghĩ đến điều này, giải thích có hai nghĩa: Một- Dựa theo Bổn-Tích, dựa vào Bổn có thể nghĩ đến, dựa vào Tích thì không nhận biết. Hai- Chỉ dựa vào Tích mà nói.

Pháp sư Ý nói rằng: “Đối với Lý, bởi vì không cách xa cho nên có thể nghi ngờ giống nhau; Đại tâm chưa trải qua lâu dài, cho nên không

dự vào nơi ấy.” Điều này cũng có lý. Giống như Diệp Công nói: “Rồng đẹp-rồng thật khó thấy, cùng ở nơi pháp hội, cùng ngưỡng mộ pháp môn, mà đã hiện rõ vượt lên trên thứ tự, cho nên như đui như điếc.”

Trong phần b là pháp đã nghĩ đến, có sáu mươi câu: Ba mươi câu đầu và sau là pháp đã thừa thĩnh, ba mươi câu giữa chỉ là nghi thức thừa thĩnh. Ba mươi câu về pháp thừa thĩnh phần nhiều giống với pháp ở bốn mươi câu của Hội thứ nhất, bởi vì Hội thứ nhất là tổng quát, Hội này thuyết giảng sắp kết thúc, cho nên có thể giống như căn bản.

Dựa vào văn phân hai mục: Một- Ba mươi câu là nghĩ đến đức khó nghĩ bàn; Hai- Từ “Duy nguyện...” trở xuống có ba mươi câu, thừa thĩnh thuyết giảng tùy theo căn cơ. Bởi vì mười câu đầu trình bày về Tự Thể tròn vẹn rõ ràng, dựa vào để hiển bày về Quả Hải bất dứt ngôn từ; mười câu sau cuối trình bày về Hóa Dụng rộng khắp mọi nơi, khiến cho nhờ vào ngôn từ mà hiển bày về quả. Vì vậy văn có phỏng theo tóm lược, lý thật thì bao gồm đều là thừa thĩnh, nêu ra như Hội thứ nhất phân rõ.

Trong mục một- Nghĩ đến đức khó nghĩ bàn: 1- Mười câu đầu chính thức trình bày về pháp của quả đã nghĩ đến; 2- Mười câu tiếp trình bày về huyền diệu khó nghĩ bàn; 3- Mười câu sau trình bày về duyên hội tụ có thể hiểu rõ.

**Mục 1-** Trong mười câu đầu: Tám câu trước thâm nhiếp mười câu đầu tiên của Hội thứ nhất, tức là đức của Hạnh bên trong thành tựu đầy đủ, bởi vì Như Lai tự tại thâm nhiếp thần thông ấy và không có gì có thể thâm nhiếp giữ lấy.

1- Cảnh giới, tức là phạm vi giới hạn đã duyên vào (Sở duyên), như phẩm Xuất Hiện... phân rõ.

2- Trí hành, Bi-Trí không có gì ngăn ngại, là Hạnh không có phân biệt (Vô công dụng), cũng như phẩm Xuất Hiện phân rõ.

3- Gia trì, nghĩa là lực thù thắng tùy ý duy trì khiến cho phát sinh những việc làm, như phẩm Bất Tư Nghị Pháp phân rõ.

4- Nghĩa là mười Lực...

5- Tức là bốn loại-mười loại Vô úy...

6- Tức là Sư Tử Phấn Tấn...

7- Đã trú vào (Sở trú), tức là Phật Địa ở Hội thứ nhất, là Địa của Phật đã trú vào. Nếu riêng biệt giải thích, thì chính là thường trú trong Đại Bi..., như phẩm Bất Tư Nghị.

8- Nghĩa là mười Tự tại..., và thâm nhiếp hai câu như Hồi Hưởng đã phân rõ, mở rộng dẫn ra các văn giải thích về nghĩa đều như Hội thứ nhất.

Hai câu sau tức là thâm nhiếp ở Hội thứ nhất.

Tiếp là mười câu về Thể-Tướng hiển bày rõ ràng, đức trước đây có sáu căn-ba nghiệp, nay thâm kết hợp với sáu căn và hai nghiệp. Trí tức là ý nghiệp, tâm-ý đều không thể nhận biết, chỉ dùng Trí mà nhận biết. Sở dĩ kết hợp, là bởi vì muốn hiển bày về thân bao gồm mười thân, kết hợp sáu căn-ba nghiệp mà Trí dẫn dắt, cho nên chỉ nói là Trí.

**Mục 2-** Từ “Nhất thiết...” trở xuống là mười câu, trình bày về huyền diệu khó nghĩ bàn, trời-người không lường được. Trong đó:

Hai câu đầu là tổng quát trình bày về Giải-Hạnh không đạt tới, nghĩa là Trí tuệ không thể nào thông suốt, tâm hành không thể nào chứng được.

Năm câu tiếp là trình bày về ba Tuệ không lường được cho nên không thể nào thành tựu Tự lợi, nghĩa là ba câu đầu nói về Văn tuệ không lường được: 1- Vi diệu cho nên đối với cảnh không thể nào duy trì phù hợp; 2- Sâu xa cho nên đối với tâm không thể nào hiểu rõ ràng; 3- Rộng lớn cho nên có thể tiếp nhận tất cả không thể nào chịu đựng. Câu tiếp là sâu xa khó hiểu, cho nên Tu tuệ không thể nào quán sát soi chiếu tường tận. Câu sau là dung thông, cho nên Tư tuệ không thể nào chọn ra hơn-kém. Bản kinh thời Tấn nói chọn ra (Giản trạch) gọi là tư duy ở trong quán sát.

Ba câu sau là bốn Biện tài không nói ra, cho nên không thể nào thành tựu Lợi tha, nghĩa là Pháp-Nghĩa vô ngại không thể nào nêu ra tường tận mở bày rộng lớn, Từ-Biện vô ngại không thể nào nói ra rõ ràng, Lạc thuyết vô ngại không thể nào khiến cho người khác hiểu rõ ràng.

**Trong mục 3-** Từ “Duy trừ...” trở xuống mười câu sau trình bày về duyên hội tụ có thể hiểu rõ: Bốn câu trước là trong Phật lực gia hộ làm Duyên, sáu câu sau là căn của mình có thể tiếp nhận làm Nhân, đầy đủ nhân duyên này có thể biết.

Trong bốn câu trước: Ba câu đầu là Duyên hiện tại, một câu sau là Nguyên vốn có.

Trong sáu câu sau: Một câu đầu là Thiện vốn có, năm câu còn lại là Đức hiện tại.

Đối với mười câu trên đây, có một phần-nhận biết một phần, có đầy đủ-nhận biết đầy đủ. Lại mười câu này tất cả có hai ý: 1- Thành tựu phần trước là hiển bày về sâu xa; 2- Phát khởi phần sau là thừa thỉnh thuyết giảng.

Trong mục hai là thừa thỉnh thuyết giảng tùy theo căn cơ, có hai:

1- Có mười một câu thưa thỉnh tùy theo căn cơ thích hợp; 2- Từ “Hiển thị...” trở xuống có hai mươi câu thưa thỉnh về pháp đã thuyết giảng.

**Mục 1-** Trước đây nói duyên hội tụ có thể biết, nay thưa thỉnh bởi vì duyên tùy theo căn khí. Trong đó: Ba câu đầu dựa theo căn khí khác nhau của tâm bên trong. Một câu tiếp dựa theo âm thanh khác nhau của chủng loại bên ngoài. Bốn câu trên đây bao gồm phàm-Thánh. Bảy câu sau phần nhiều dựa theo Bồ-tát: 1- Tài sản... có khác nhau. 2- Địa vị hơn kém khác nhau. 3- Dựa vào căn trừ bỏ chướng ngại. 4- Thực hiện sự nghiệp sai khác. 5- Duyên với cảnh không giống nhau. 6- Đã từng dựa vào đức nào mà tu? 7- Đã từng nghe pháp nào làm chủng tử? Lại: 6- Nên dựa vào đức nào để giáo hóa? 7- Nên mở rộng hay tóm lược pháp nào mà thuyết giảng đủ loại không giống nhau? Tất cả đều thưa thỉnh tùy thuận.

**Trong mục 2-** Thưa thỉnh về pháp đã thuyết giảng, có hai: a- Nêu ra pháp đã thưa thỉnh; b- Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết thúc thưa thỉnh.

Mục a phân hai tiết: Một- Mười câu trước là thưa thỉnh thuyết giảng về nhân quả khứ; Hai- Mười câu sau là thưa thỉnh thuyết giảng về Dụng của quả hiện tại.

**Tiết một-** Trong mười câu này thì câu bảy về tên gọi và nghĩa hoàn toàn giống với Hội thứ nhất. Các đạo tức là vô số Trợ đạo (Trợ đạo hải) ở Hội ấy. Trong này, phương tiện chính là vô số Trí (Trí hải) trước đây, tức là tên gọi khác nhau mà nghĩa giống nhau. Hội ấy có vô số Thừa (Thừa hải) mà không có Bốn sự này, thì tên gọi và nghĩa đều khác nhau. Bởi vì tất cả Bồ-tát ở Hội ấy cùng nhau thưa thỉnh, hiển bày về tất cả các Thừa không giống nhau. Nay dựa theo Bốn Sự để thưa hỏi, thêm vào Bốn sự thì Thừa nối thông với các câu, làm thành mười câu cho nên lược qua; hoặc Bốn sự tức là vô số Thừa, vốn là những Thừa xưa kia. Còn lại giống như Hội thứ nhất.

**Trong tiết hai-** Từ “Cập thành...” trở xuống có mười câu sau, thưa thỉnh thuyết giảng về Dụng của quả hiện tại. Mười câu này hướng về mười câu thứ ba ở Hội thứ nhất, nghĩa thì phần nhiều giống nhau mà vẫn phần nhiều khác nhau. Bởi vì muốn hiển bày về Dụng của Quả không có giới hạn, cho nên phỏng theo tóm lược văn ấy:

1- Nhân tròn vẹn quả thành tựu, tức là Phật hải.

2- Thành tựu nhất định phải diễn thuyết giáo pháp, tức là Diển thuyết hải.

3- Pháp giải thích làm thanh tịnh quốc độ, tức là Thế giới hải.

4- Điều bởi vì điều phục chúng sinh, tức là Danh hiệu hải.

5- Cổng thành của quả Bồ-đề Niết-bàn cùng mở rộng, tức là Giải thoát hải, bởi vì Niết-bàn chính là phòng ngừa điều sai-ngăn chặn điều ác.

6- Thị hiện thọ sinh thực hành sự nghiệp, làm nhân đạt đến quả, tức là Chúng sinh hải.

7- Tiến vào tất cả căn cơ khắp nơi, tùy theo căn cơ thiết lập thọ mạng, tức là Thọ lượng hải.

8- Làm thừa ruộng của chúng sinh khiến cho cảm được thọ mạng thường trú, tức là Ba-la-mật hải, bởi vì Bồ thí làm đầu tiên.

9- Thuyết giảng về quy phạm chuẩn mực của các Độ, tức là An lập thế giới hải.

10- Ba Luân biến hóa giống như cảnh tượng trong gương, bóng trăng trong nước, tức là Biến hóa hải.

Mục b là kết thúc thừa thỉnh, có thể biết

**Phần 3:** Từ “Nhĩ thời Thế Tôn...” trở xuống là phần Hiện tướng Tam-muội, đáp lại nghi đến thừa thỉnh trước đây mà giải đáp về tướng thị hiện, trong đó có hai: a- Trình bày về Tam-muội là chủ động hiện rõ; b- Từ “Nhập thử Tam-muội...” trở xuống là trình bày về Tịnh độ thụ động hiện rõ.

**Phần a-** Trình bày về Tam-muội là chủ động hiện rõ: Đại Dụng không có giới hạn (Vô phương) dựa vào Thể mà phát khởi, cho nên đầu tiên là tiến vào Định. Chính là bởi vì nghĩa này, cho nên trước trình bày về tiến vào Định, sau quy tụ vô số các chúng. Từ trước đến nay, các Hội trình bày đều là thuận theo Tướng tiến vào Thật, trước là quy tụ các chúng-sau là tiến vào Định, cùng với Hội này không giống nhau.

Phật tự mình tiến vào Định, là bởi vì biểu thị cho chứng đạt pháp giới chỉ riêng Phật mới tận cùng. Không ngôn từ giải đáp, là biểu thị cho chứng đạt vốn lìa xa ngôn từ, lại bởi vì khiến cho nhìn thấy tận mắt mà tự mình chứng đạt.

Văn phân làm ba mục: Một- Duyên tiến vào Định, bởi vì hiểu rõ ý niệm trước đây; Hai- Từ “Đại Bi...” trở xuống là trình bày về nhân tiến vào Định; Ba- Từ “Nhập sư tử...” trở xuống là chính thức trình bày về tiến vào Định.

**Mục hai-** Ngay trong nhân tiến vào Định: Có bốn loại Bi, bởi vì căn bản tiến vào Định là làm lợi ích cho chúng sinh, mỗi loại đều có hai nghĩa.

Một- Hai nghĩa của Thân: 1- Thân là chỗ dựa để tiến vào Định,

do Bi mà huân tập. 2- Thân là nghĩa của Thể, nghĩa của nương tựa, bởi vì muốn tiến sâu vào Định, cho nên hoàn toàn dựa vào Đại Bi mà làm Thể.

Hai- Hai nghĩa của Môn: 1- Phật có các môn Đại Trí-Đại Định-Đại Bi..., nay muốn làm lợi ích cho chúng sinh, chỉ dựa vào môn Bi, bởi vì khiến cho chúng sinh tiến vào. 2- Định là thụ động tiến vào, Bi là chủ động tiến vào.

Ba- Hai nghĩa của Đầu: 1- Nghĩa của bắt đầu, bởi vì tất cả mọi việc lợi ích cho chúng sinh, đều lấy Đại Bi đi trước dẫn đường. 2- Nghĩa của thù thắng trên cao, nghĩa là tất cả đều dùng môn Trí-Định, bởi vì môn này tăng thêm thù thắng.

Bốn- Hai nghĩa của Phương tiện: 1- Bi và Trí dẫn dắt nhau, làm phương tiện cho nhau, nay bởi vì Bi là phương tiện tiến vào Định mà làm lợi ích cho chúng sinh. 2- Bởi vì Bi ngay nơi Trí-Định, không đắm vào Ái kiến, cho nên gọi là phương tiện, mới có thể khiến cho chúng sinh tiến vào tất cả pháp giới.

Lại bốn Bi này, cũng là thuận theo Phật mà từ từ hưởng về căn cơ.

Bốn Bi trên đây đều rộng khắp hư không, cũng có hai nghĩa: 1- Bởi vì rộng khắp mọi nơi; 2- Không có gì phân biệt.

**Mục ba:** Là chính thức trình bày về tiến vào Định: Bởi vì nghiệp dụng của Định thuận theo Dụ làm tên gọi.

Nói là Tần Thân, có người nói rằng: “Âm tiếng Phạn lược bớt không đúng, đầy đủ chính xác nên nói là: Tỳ Thật Lãm Đa, Trung Hoa phiên ra là Tự Tại Vô Úy, như Sư tử chúa tự tại không có gì sợ hãi ở giữa bầy thú.”

Nhưng bản kinh xưa kia (Cựu Kinh) phiên ra là Sư Tử Phấn Tấn, mà hai chữ Tần Tỳ có phần xen lạp với nhau, chữ Phấn Tấn khác biệt không giống như Tỳ Thật Lãm Đa.

Trong kinh Niết Bàn quyển thứ 25 đã nói là Tần Thân Khiếm Khư, thì biết rõ ràng Tần Thân và Phấn Tấn đều là nói đến Tam-muội này.

Sau trong phần Thiện tri thức nữ Bà-tu-mật, cũng nói là Kiến Ngã Tần Thân.

Nhưng đối lập với nhau mà phiên ra là Tự Tại Vô Úy, thuận theo nghĩa mà dịch là Tần Thân, thì đâu hề lược bớt không đúng? Vì vậy, dựa vào Cổ đức, dùng ngôn ngữ của phương này để giải thích, thì Tần Thân và Phấn Tấn đều là trạng thái thông suốt, thư giãn của thân thể.



Tổng quát về tướng để giải thích: Thể ngay nơi Dụng, vắng lặng mà thành tựu cao nhất, thì muôn vàn sai biệt tất cả đều là pháp giới. Dụng ngay nơi Thể, không làm mà rộng khắp. Vì vậy, lớn nhỏ đan xen nhau, duyên khởi vô tận, gọi là nghĩa của Tần Thân Tự Tại.

Nếu riêng biệt giải thích, thì phẩm Sư Tử Hống trong kinh Niết Bàn trình bày: Sư tử chúa tự biết rõ thân lực, răng móng sắc nhọn, cho đến sáng sớm ra khỏi hang mà gầm rống, bởi vì mười một sự việc, mở rộng có Dụ-Hợp. Còn ở phẩm Ly Thế Gian hiển bày về Bồ-tát Sư Tử Vương, dùng pháp thiện thanh tịnh làm thân..., hợp với đầu-chân..., lại khác với kinh Niết Bàn. Văn này dùng Đại Bi làm thân, cho nên biết là chỉ chọn lấy nghĩa tương tự, chưa hẳn là hoàn toàn nhất định.

Nay kết hợp chọn lấy các văn, trước là dùng mười nghĩa kết hợp với Sư tử ở phẩm Ly Thế Gian, sau là dựa vào kinh Niết Bàn bởi vì mười một sự việc.

Trước là dùng mười nghĩa kết hợp với Sư tử ở phẩm Ly Thế Gian: Nghĩa là dùng Đồng Thể Đại Bi làm thân. Dùng Tăng Thượng Đại Bi làm đầu. Dùng Đại Từ ngay nơi Trí làm mắt. Hoàn toàn dùng Trí tuệ làm răng-móng. Dùng Đại Bi Phương Tiện làm đuôi vung lên, bởi vì Bi làm phương tiện cho nên ở cuối cùng, là nghĩa của phương tiện làm chấn động. Chọn lấy toàn bộ bốn Bi làm chân, dựa vào đây mà đứng vững. Dùng Tam-muội pháp giới làm hang mà tiến vào chứng đạt. Dùng Vô Duyên Đại Bi làm cửa hang, bởi vì đi vào đi ra từ nơi này. Dùng Thể-Dụng vô ngại là Tần Thân, bởi vì thư giãn tự tại. Dùng thuyết giảng về pháp môn pháp giới làm tiếng gầm rống, bởi vì quyết định thuyết giảng rõ ràng về tất cả chúng sinh, vốn cùng với Như Lai chung một pháp giới, như Sư tử này tùy theo mỗi một sợi lông đều xứng với pháp giới.

Sau là dựa vào kinh Niết Bàn bởi vì mười một sự việc mà Tần Thân (Gầm vang):

- 1- Bởi vì phá tan ma quân giả làm Sư tử.
- 2- Bởi vì thị hiện các thân lực, Lực là mười Lực...
- 3- Bởi vì làm thanh tịnh trú xứ của Phật là quốc độ thuộc về Pháp giới.
- 4- Bởi vì làm cho phàm phu tà kiến biết rõ nơi quay về.
- 5- Bởi vì làm yên lòng các chúng sinh sợ hãi sinh tử.
- 6- Bởi vì giác ngộ các chúng sinh ngủ trong vô minh.
- 7- Bởi vì làm cho các loại chúng sinh rời bỏ phóng dật, lìa xa pháp ác.
- 8- Bởi vì khiến cho các Bồ-tát và các loại chúng sinh tà kiến, tìm

đến nương tựa.

9- Bởi vì điều phục các ngoại đạo và hàng Nhị thừa xuất chúng, khiến cho như đui như điếc mà rời bỏ kiêu mạn.

10- Bởi vì dạy dỗ con cháu của các Bồ-tát khiến cho nhanh chóng chứng đạt.

11- Bởi vì Chánh kiến trang nghiêm, khiến cho bốn Bộ quyền thuộc đều tăng thêm uy thế, không sợ tất cả các loại tà đạo, mà tất cả các loại tà đạo đều sợ hãi.

Lại như loài Dã can đi theo Sư tử trăm năm mà không thể nào phát ra tiếng gầm của Sư tử, Nhị thừa ngồi yên nơi pháp hội mà như đui như điếc.

Mười nghĩa Phấn Tấn trong quyển thứ 57, cũng thuận theo ở đây nói.

*Phần b-* Trình bày về Tịnh độ thụ động hiện rõ: Tổng quát về tướng mà nói, thì chính là làm thanh tịnh trú xứ của Phật trong mười một sự việc trước đây. Riêng biệt về tướng mà luận thì đầy đủ nhiều nghĩa trước đây.

Nhưng tướng hiện rõ này vì sao giải đáp các câu hỏi trước đây? Bởi vì khiến cho Đại chúng nhìn thấy tận mắt mà có thể ngay lúc đó chứng đạt. Vì sao nhìn thấy tận mắt? Bởi vì phần Tịnh độ này giải đáp đầy đủ ba mươi câu hỏi.

Lại thuận theo tướng hiển bày, trong này giải đáp mười câu hỏi về Thể của quả thứ nhất: Cảnh giới đã hiện rõ, giải đáp câu hỏi về Cảnh giới. Bốn loại Đại Bi hiện rõ vì chúng sinh, tức là giải đáp câu hỏi về Trí hành. Khiến cho Đại chúng chứng thực nhìn thấy, tức là giải đáp câu hỏi về Gia trì. Nhận biết là uy lực của Như Lai, giải đáp câu hỏi Phật lực. Dụng của Tam-muội, giải đáp câu hỏi về Vô úy. Chính thức tiến vào Tam-muội, giải đáp câu hỏi về Tam-muội. Làm thanh tịnh quốc độ thuộc về pháp giới, giải đáp câu hỏi về Trú xứ. Khiến cho lớn nhỏ dung hòa thân nhiếp, giải đáp câu hỏi về Tự tại. Thấy thân Như Lai đầy khắp pháp giới, giải đáp câu hỏi về Thân của Phật. Bởi vì thấy phương tiện Đại Bi của Như Lai, giải đáp câu hỏi về Trí tuệ.

Còn lại hai mươi câu trong phần Quy tụ chúng, giải đáp về Đại chúng quy tụ, cũng là Lực của Tam-muội. Vì thế cho nên biết rằng chủ động hiện rõ-thụ động hiện rõ đủ loại sự việc của cảnh giới, tất cả đều là Thể của Giáo.

Lại trong phần nói về hai vị Đại Thánh khai Quyền hiển Thật, mở rộng trình bày về Dụng vô tận, cũng hiển bày về tướng giải đáp, đến

văn sẽ biết.

Dựa vào văn phân ba mục: Một- Kết thúc phần trước nêu lên phần sau; Hai- Từ “Vu thời...” trở xuống là trang nghiêm vườn rừng này; Ba- Từ “Như ư thử...” trở xuống là kết luận nối thông với pháp giới.

**Trong mục hai-** Trang nghiêm vườn rừng này, có hai: 1- Chính thức hiển bày về trang nghiêm, tức là trang nghiêm Khí thể gian; 2- Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là nêu ra nhân của trang nghiêm, hiển bày về trang nghiêm Trí chánh giác thể gian.

**Mục 1-** Chính thức hiển bày về trang nghiêm, có ba: a- Trang nghiêm Trùng Các; b- Trang nghiêm vườn rừng; c- Trang nghiêm hư không.

Thuận theo tóm lược để mở rộng mà nói, có ba loại này là biểu thị cho ba duyên khởi, nghĩa là trang nghiêm Trùng Các hiển bày về duyên khởi của Tự Thể, trang nghiêm vườn rừng biểu thị về duyên khởi Hữu vi, trang nghiêm hư không biểu thị về duyên khởi Vô vi.

**Mục a-** Trang nghiêm Trùng Các, phân hai tiết:

**Tiết một-** Trình bày về nơi chốn rộng rãi, nghĩa là phá bỏ tình-hiến bày pháp, ngay nơi Sự phù hợp với Chân. Từ bên trong mà quán sát rộng lớn không có giới hạn, nhưng không làm hỏng Sự. Từ bên ngoài mà quán sát, ngoài lầu đài có vườn cây, ngoài vườn cây có hư không, trang nghiêm đều khác nhau. Đây tức là Sự-Lý đan xen xuyên suốt, tất cả mười phương-ba đời đều viên dung. Rừng cây và hư không, ví dụ như vậy.

**Tiết hai-** Từ “Kim Cang vi địa...” trở xuống là chính thức hiển bày về trang nghiêm, biểu thị cho vạn đức duyên khởi tất cả đều đầy đủ, trong đó biểu thị cho pháp dùng ý để giảm bớt hoặc tăng thêm (Tiêu tức).

**Mục b-** Từ “Nhĩ thời phục dĩ...” trở xuống là trình bày về trang nghiêm vườn rừng.

**Mục c-** Từ “Nhĩ thời Thệ-đa lâm thượng hư không chi trung...” trở xuống là trình bày về trang nghiêm hư không. Hai mục này đều hiển bày có thể biết.

Trong mục 2 là nêu ra nhân của trang nghiêm: a- Đưa ra; b- Giải thích.

Giải thích tức là trang nghiêm Trí chánh giác, trước đây vì Đại chúng mà thị hiện về Thân lực của mình, thêm vào trong Phật lực. Văn có mười câu: 1- Lực của thiện căn Từ; 2- Lực của Trí vô lậu. Dùng hai Lực trên đây mà gia hộ cho Đại chúng. 3- Lực của Phước đức và Uy

đức. Còn lại đều là Lực của Thần thông tự tại, trong đó: 1- Mở ra; 2- Thu lại; 3- Chiều ngang bao gồm; 4- Chiều dọc thấu nhiếp; 5- Tất cả ngay nơi một; 6- Một ngay nơi tất cả; 7- Thành và hoại ngay trong nhau. Nghĩa còn lại dựa theo suy nghĩ.

Trong mục ba là kết luận nối thông với pháp giới, có hai: 1- Kết thúc phần trước nêu lên phần sau; 2- Từ “Sở vị...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng trang nghiêm.

Nói nhìn thấy thân Như Lai an trú trong rừng Thệ-đa, là an trú trong rừng ở mười phương thế giới khác nhau. Đây là trình bày về một Hội có khắp tất cả mọi nơi, như phẩm Quang Minh Giác, không phải là ở thế giới ấy từ xa thấy Phật ở thế giới này. Từ “Trú ư viên lâm...” trở xuống là các sự trang nghiêm đều như vậy. Phần Hiện tướng Tam-muội, xong.

**Phần 4:** Từ “Nhĩ thời Đông phương...” trở xuống, trình bày về phần Chúng mới quy tụ, tức là từ xa quy tụ cùng nhau chứng minh, cũng là trong phần Tam-muội khiến cho các Bồ-tát đều tìm đến nương tựa. Trong văn có ba: a- Riêng biệt quy tụ theo mười phương; b- Tổng quát ca ngợi về đức hạnh; c- Tổng quát kết luận về nhân quy tụ.

**Phần a-** Riêng biệt quy tụ theo mười phương: Mười phương tức là mười mục, mỗi mục đều có mười câu.

**Mục một-** Đông phương, có mười câu:

1- Đến từ nơi chốn xa gần. Nhưng đều quy tụ từ xa, là biểu thị cho chứng thực tiến vào rất sâu xa. Chỉ có Hội thứ nhất và Hội này đều quy tụ từ xa, bởi vì Hội thứ nhất là đã tin tưởng, Hội này là chứng thực tiến vào. Chứng thực tiến vào một Hợp tướng ban đầu, trung gian tùy theo phần vị sâu-cạn không giống nhau, nghĩa đã tựa như Kim Cang rồi.

2- Từ “Hữu thế giới...” trở xuống là trình bày về tên gọi riêng biệt của thế giới, có thể suy nghĩ theo nghĩa.

3- Bản sự của Đức Phật danh hiệu Thắng Đức Vương, là phước đức phát sinh ánh sáng soi chiếu khắp nơi, cho nên gọi là Thắng, hai trang nghiêm vô ngại tự tại gọi là Vương.

4- Vị Bồ-tát đứng đầu tên gọi Nguyệt Quang Minh, bởi vì ánh sáng của Nguyệt này đứng đầu ở trong ánh sáng soi chiếu khắp nơi.

Trên đây đều kèm theo danh hiệu của Đức Phật này, là hiển bày về Nguyệt lực và Đức thù thắng của Đức Phật này.

5- Quyển thuộc cùng đến, là bởi vì thành tựu chủ-bạn đối với trước đây.

6- Phát khởi vầng mây cúng dường rộng khắp, là biểu thị về nhân

trang nghiêm cho quả. Đều nói là Thiên, bởi vì thành tựu tự nhiên.

7- Đến nơi Đức Phật cung kính lễ lạy, là biểu thị cho nhân hưởng đến quả.

8- Hóa hiện pháp tòa ở phương của mình. Phương của mình là biểu thị cho đan xen mà không tạp loạn. Pháp tòa biểu thị cho Pháp Không, lầu cao là biểu thị cho Không-Hữu hiển bày lớp lớp.

9- Mũ lưới trang nghiêm thân, là hiển bày về đức thù thắng trang nghiêm cho Pháp thân. Có ngọc báu trong búi tóc, là biểu thị cho Tôn chỉ viên mãn của Nhất thừa ở trên đỉnh cao của tâm.

10- Quyển thuộc cùng ngời, là biểu thị cho chủ-bạn cùng nhau chứng minh.

Mười câu trong chín phương còn lại, phỏng theo đây có thể biết. Trong đó tên gọi của Bồ-tát, danh hiệu Đức Phật và thế giới, ý chính khó xác định, nhưng có thể nói là tùy theo thích hợp. Hai phương đầu và phương thứ sáu không có mũ châu báu, là bởi vì văn tóm lược mà thôi. Lại những vật dụng cúng dường trong này, không chỉ biểu thị cho pháp, bởi vì tất cả đều là đức của con người giống như pháp, Y báo-Chánh báo, nhân-quả vô ngại, pháp giới tự tại mà thôi.

**Mục hai-** Nam phương: Trong vật dụng cúng dường đều nói là Trì, bởi vì biểu thị cho Tu Trì.

**Mục ba-** Tây phương: Đều nói về mây trên núi Tu-di, là bởi vì bốn đức Diệu Cao mát lạnh làm lợi ích cho chúng sinh.

**Mục bốn-** Bắc phương: Đều nói về y phục, là bởi vì Tịch-Nhẫn-Tâm-Quý làm trang nghiêm cho Pháp thân.

**Mục năm-** Đông Bắc phương: Nói về lầu đài, là bởi vì Tự lợi-Lợi tha thuộc về Bi-Trí dựa vào nhau mà hiển bày.

**Mục sáu-** Đông Nam phương: Nói về ánh sáng viên mãn, là bởi vì hai Trí thuộc về Quyền-Thật thực hành không có gì thiếu sót.

**Mục bảy-** Tây Nam phương: Nói về ngọn lửa, bởi vì Trí tuệ thanh tịnh đốt cháy củi phiền não, cũng biểu thị đều do Tưởng mà duy trì không thể nào giữ lấy.

Bảy phương trên đây là phát khởi cúng dường biểu thị cho pháp, bao gồm giải đáp về Thân thông của Bồ-tát. Ba phương dưới đây, bao gồm cũng riêng biệt giải đáp hai mươi câu sau trong phần thưa hỏi trước đây.

**Mục tám-** Tây Bắc phương: Có mười câu đều giải đáp về ảnh tượng của chư Phật vì tất cả chúng sinh mà hiện rõ ở câu cuối cùng trước đây. Nếu dựa theo biểu thị, thì bởi vì hiển bày về duyên với có tựa như

không phải là chân thật.

**Mục chín-** Hạ phương: Trong lỗ chân lông, có mười câu giải đáp về chín câu hỏi trước đây. Mười câu đều nói về Phương tiện hải, là bao gồm giải đáp về phương tiện thành tựu xưa kia:

Một câu đầu bao gồm hiển bày về ngôn ngữ âm thanh đã tùy theo chúng sinh.

Năm câu tiếp là giải đáp về năm câu hỏi trong nhân, nghĩa là: 2- Giải đáp về các Hạnh, câu này thuận theo hiển bày về tâm hướng đến mong cầu Nhất thiết trí, bởi vì câu 5 trình bày về Hạnh viên mãn, mà Hạnh này là bắt đầu của Hạnh. 3- Giải đáp về Đại Nguyện của Bồ-tát đã phát khởi. 4- Giải đáp về các Ba-la-mật đã thanh tịnh. 5- Chính thức giải đáp về các Hạnh của Bồ-tát viên mãn. 6- Riêng biệt giải đáp về Thân thông đã phát ra.

Nhưng thưa hỏi ngay trong nhân của Như Lai, đây là bao gồm tất cả các Bồ-tát, khác nhau về bao gồm và riêng biệt mà thôi. Thưa hỏi về Trợ đạo và pháp xuất ly ấy, cũng là bao gồm giải đáp, bởi vì trong các câu đều là Trợ đạo, tất cả đều chính là pháp xuất ly.

Bốn câu còn lại là giải đáp về năm câu hỏi trong Dụng của quả, nghĩa là: 7- Giải đáp câu hỏi về Đệ nhất Chánh giác. 8- Giải đáp câu hỏi về Chuyển pháp luân. 9- Giải đáp câu hỏi về điều phục chúng sinh, quốc độ ấy là một loại bao gồm giải đáp trong phần hiện rõ Tịnh độ. 10- Giải đáp về khai mở chỉ bày tòa thành giáo pháp (Pháp thành) của Nhất thiết trí, và nêu ra tất cả các Đạo của chúng sinh, bởi vì chủ động chứng là Đạo, thụ động chứng là Trí. Mà đều nói là âm thanh, bởi vì biểu thị cho pháp không có ngôn từ, nhờ vào ngôn từ để hiển bày.

**Mục mười-** Thượng phương: Trong những tướng tốt, có mười câu bao gồm giải đáp về Nhân duyên-Bổn sự thứ mười trong phần thưa hỏi về nhân, cùng giải đáp về Ba-la-mật và các Địa đã tiến vào. Bởi vì mười Độ tức là những Hạnh thuộc về Địa riêng biệt, cho nên riêng biệt dựa theo câu đầu, giải đáp về tiến vào nơi cư trú của tất cả chúng sinh, và tiếp nhận sự bố thí của tất cả chúng sinh, cùng vì tất cả chúng sinh mà thuyết giảng về công đức bố thí. Như văn suy nghĩ về điều này!

Trong giải đáp về những điều thưa hỏi ấy có lẽ không theo thứ tự, bởi vì mười phương cùng đến một lúc, các vật dụng cúng dường cùng hiện bày một lúc, văn không chép nhiều mà tùy theo phương khác nhau để nói, dùng thứ tự thưa hỏi trước đây để thu nhận thì tất cả đều theo thứ tự.

Lại đều nói về Bổn sự, là bởi vì biểu thị cho Thể của pháp ba đời

trường trú, do Trí đạt được Thể-Dụng không phải như nhau-không phải khác nhau. Bởi vì Dụng tùy theo Thể mà tất cả đều tồn tại, cho nên đức tướng-nghiệp dụng đều tự tại.

Kinh Mật Nghiêm quyển thứ 3 nói: “Bồ-tát Kim Cang Tạng, thị hiện các hình tướng khác nhau, thuyết giảng các loại pháp khác nhau...” Cho đến nói: “Nương tựa nơi thanh tịnh mà tiến vào Phật Địa, bởi vì Uẩn-Giới của Như Lai thường không có đổi khác.”

Nếu như Lý-Sự tách biệt mà tu thì không đạt được như vậy, bởi vì không giống như Thể-Dụng của pháp hiện tại nơi khác cùng có, mà Thể-Dụng của pháp quá khứ-vị lai đều không có, hướng hồ đối với Tiểu thừa mà có ba đời hay sao? Bởi vì pháp quá khứ-vị lai ấy có Thể mà không có Dụng.

*Phần b:* Từ “Như thị thập phương...” trở xuống là tổng quát ca ngợi về đức hạnh, trong đó có hai mục: Một- Tổng quát; Hai- Từ “Dĩ tịnh trí...” trở xuống là riêng biệt.

Ngay trong mục hai là riêng biệt ca ngợi có ba mươi bốn câu, phân ba: 1- Có năm câu trình bày về đức hướng lên trên gần gũi chư Phật; 2- Từ “U nhất trần trung...” trở xuống có mười bốn câu, trình bày về đức hướng xuống dưới thâm nhiếp chúng sinh; 3- Từ “Nhất thiết Bồ-tát thần thông...” trở xuống có mười lăm câu, trình bày về đức của Đại Dụng tự tại. Cũng gọi là ba loại thuộc về ba nghiệp.

**Mục 1-** Có năm câu trình bày về đức hướng lên trên gần gũi chư Phật: 1-Mắt thanh tịnh được thấy Phật, tức là ý nghiệp; 2- Nghe pháp của Như Lai, tức là ngữ nghiệp tu tập thanh tịnh; ba câu còn lại đều hiển bày về thân nghiệp tự tại.

**Trong mục 2:** Trình bày về đức hướng xuống dưới thâm nhiếp chúng sinh, có ba mục:

**Mục a-** Vi tế giáo hóa chúng sinh.

**Mục b-** Từ “Tri nhất thiết chúng sinh...” trở xuống có bảy câu, trình bày về Trí thâm nhiếp chúng sinh, câu cuối cùng kết luận rằng: Mười Lực Vô úy. Sáu câu trước riêng biệt trình bày: 1- Duyên quy tụ vốn không phải là chân thật. 2- Tùy theo nguyên hình (Bản chất) của căn cơ mà ánh sáng rọi lại có hơn-kém. 3- Do các nẻo suy nghĩ mà khởi lên. 4- Tùy theo thể chất soi chiếu rọi lại mà có đẹp-xấu. 5- Do tướng mà duy trì. 6- Không có mà bỗng nhiên có, có trong chốc lát mà trở lại không có.

**Mục c-** Từ “Dũng mãnh...” trở xuống có năm câu trình bày về ngữ nghiệp thâm nhiếp chúng sinh, trong đó: Câu đầu là tổng quát hiển bày

về quyết định, bốn câu còn lại là riêng biệt trình bày về bốn Biện tài.

**Trong mục 3:** Có mười lăm câu trình bày về đức của Đại Dụng tự tại: Một câu đầu là tổng quát trình bày về pháp đã đạt được, còn lại là riêng biệt trình bày về Dụng của Thần thông. Trong đó có ba:

**Mục a-** Ba nghiệp phá Tà vốn là ba pháp Dũng mãnh-Tinh tiến và Thần thông.

**Mục b-** Từ “Hằng dĩ trí...” trở xuống có sáu câu trình bày về ý nghiệp tự tại, đều là Quyền-Thật cùng hiện hành: 1- Trí hiểu rõ sự việc ba đời, Tuệ thông suốt ba đời vốn Không. 2- Nhận biết về pháp như hư không, trống rỗng vốn không có gì đáng tranh cãi, mà không hủy hoại Hữu bởi vì không đắm theo Không. 3- Tiến lên không có tướng của tiến lên, cho nên nói là không có đến. 4- Ngay nơi Hữu mà Không. 5- Ngay nơi Không mà Hữu, cho nên nói là phương tiện. 6- Trí tiến vào quốc độ thuộc Tánh.

**Mục c-** Từ “Dĩ tự tại lực...” trở xuống có bảy câu, trình bày về thân nghiệp tự tại, có thể biết.

**Phần c-** Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhân quy tụ.

**Phần 5:** Từ “Vu thời Thượng thủ...” trở xuống là phần Nêu ra mất hiển bày được, cũng gọi là nêu ra yếu kém hiển bày thù thắng, bởi vì trình bày về pháp Bất cộng.

Trong đó có ba: a- Trình bày về người không nhìn thấy; b- Từ “Giai tất...” trở xuống là trình bày về cảnh mà không nhìn thấy; c- Từ “Hà dĩ...” trở xuống giải thích về nguyên cơ không nhìn thấy.

**Phần a-** Trình bày về người không nhìn thấy:

Xá-lợi, Trung Hoa nói là Thu Lộ, bởi vì con người đôi mắt người mẹ sáng ngời sắc sảo tựa như loài chim ấy. Phát là con, từ người mẹ thiết lập tên gọi mà nêu lên người con.

Mục-kiền-liên, Trung Hoa nói là Thái Thục Thị, Tiên Nhân thời Thượng cổ ở núi ăn đậu, mẹ của Tôn giả là dòng dõi ấy, từ họ bên ngoài mà thiết lập tên gọi. Tôn giả có Đại Thần thông, chọn ra khác với dòng họ này, cho nên lại nói là Đại.

Ma-ha Ca-diếp, Trung Hoa nói là Đại Âm Quang, dòng dõi Tiên Nhân này và thân của Tôn giả, đều có ánh sáng rực rỡ che mờ mặt trăng-mặt trời, tu hạnh Đầu-đà bậc nhất, chọn ra khác với Ca-diếp, cho nên nói là Đại.

Ly-bà-đa, Trung Hoa nói là Thất Tinh, do cúng bái mà sinh ra, hoặc nói là Sở Cúng Dương, hoặc nói là Giả Hòa Hợp, tức là sự việc về



hai con quỷ ăn thịt người trong Trí Luận.

Tu-bồ-đề, Trung Hoa nói là Thiện Hiện, bởi vì lúc sinh ra mà giữa không gian trong nhà hiện bày tướng trạng tốt lành.

A-nậu-lâu-đà, Trung Hoa nói là Vô Diệt, bởi vì bố thí một bữa ăn mà chín mươi một lần sinh trên cõi trời và giữa loài người, không rơi vào nẻo ác.

Nan-đà, Trung Hoa nói là Hoan Hỷ, bởi vì tánh vô cùng thông minh nhanh nhạy, âm thanh tuyệt vời lạ thường.

Kiếp-tân-na, Trung Hoa nói là Hoàng Đầu, vốn dòng dõi của Tiên Nhân Hoàng Đầu.

Ca-chiên-diên, Trung Hoa nói là Tiễn Phát Chủng.

Phú-lâu-na, Trung Hoa nói là Mãn Nguyệt, đầy đủ nói là Mãn Từ Tử, người mẹ rất hiền từ, cũng từ tên gọi của người mẹ.

Mà nói là Đẳng, Đẳng là chọn lấy năm trăm vị, mở rộng phân rõ xưa nay dịch khác nhau, duyên khởi và đức hạnh như trong Trí Luận và Âm Nghĩa trình bày.

Trong phần b là trình bày về cảnh mà không nhìn thấy, có ba mục:

**Mục một-** Không nhìn thấy quả, có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt. Phần nhiều giống như trong mục nghĩ đến thừa thỉnh về quả. Mười câu của mục một: Trùng các giống như hư không..., tức là Thần biến; không hủy hoại tướng vốn có, tức là Du hý. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

**Mục hai-** Từ “Diệt phục...” trở xuống là trình bày về không nhìn thấy nhân, tức là các Bồ-tát: 1- Tổng quát trình bày, tức là phạm vi giới hạn của cảnh giới. 2- Từ “Bồ-tát Đại hội...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về pháp hội bao gồm mới-cũ, Nhập nghĩa là Thân có khắp vô số quốc độ, Trí tiến vào các pháp..., Phổ Chí tức là chúng mới đến, Phổ Nghệ tức là chúng trước đây, đều nói là Phổ: a- Bởi vì ngang dọc rộng khắp; b- Bởi vì một ngay nơi tất cả. Những câu còn lại dựa theo trong phần Tác dụng của các Bồ-tát mới đến đã phân rõ trước đây, và mười-mười trong phẩm Ly Thế Gian đã trình bày trước đây.

**Mục ba-** Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về không nhìn thấy.

**Phần c:** Giải thích về nguyên cơ không nhìn thấy: Nhưng đều bỏ Bốn theo Tích, hiển bày về nhân-quả Bất cộng sâu xa huyền diệu của Nhất thừa, để đốc thúc những người Hậu học, khiến cho luyện tập chủng tử của nhân. Trong văn có hai: Trước là đưa ra, sau là giải thích.

Trước là đưa ra, ý nói rằng: Thân tham gia ở Kỳ Viên, tự mình đối với pháp hội cao quý mà không nhìn thấy Thần biến, nguyên cố vì sao?

Sau là giải thích, ý nói rằng: Cảnh giới ấy thù thắng, mà nhân quá khứ-duyên hiện tại thấy đều thiếu hụt, giống như mặt trời-mặt trăng treo giữa bầu trời mà người mù không thấy, sấm sét chấn động mặt đất mà người điếc không nghe, Đạo khế hợp thì gần bên cạnh nhưng không thuộc về mình, Bồ-tát từ phương xa mà đến, Thanh văn ở trong Hội vẫn không nhận biết. Văn tự nhiên mở rộng giải thích, phân làm ba mục riêng biệt: Một- Pháp; Hai- Dụ; Ba- Đưa ra để kết luận thành tựu.

**Mục một-** Pháp, phân hai: 1- Trình bày bởi vì thiếu nhân của quá khứ; 2- Từ “Phục thứ...” trở xuống là trình bày bởi vì thiếu duyên của hiện tại.

**Mục 1-** Thiếu nhân của quá khứ, phân bốn: a- Một câu tổng quát nêu lên sai biệt của pháp thiện lớn-nhỏ; b- Từ “Bổn bất tu...” trở xuống là nêu ra yếu kém khác với thù thắng; c- Từ “Như thị giai thị...” trở xuống là nêu ra thù thắng để chọn ra yếu kém; d- Từ “Dĩ thị nhân duyên...” trở xuống là kết luận về không thấy nghe.

**Mục a-** Một câu tổng quát: Có thiện căn nhỏ bé được tham gia ở pháp hội tốt đẹp, thiện căn lớn-nhỏ khác nhau không nhìn thấy sự việc đặc biệt hiếm có.

**Trong mục b** là nêu ra yếu kém, có mười tám câu: Mười hai câu trước giải thích về nguyên nhân không nhìn thấy quả của Phật, sáu câu sau giải thích về nguyên nhân không nhìn thấy Bồ-tát.

Trong mười hai câu trước: Câu đầu là tổng quát, những câu còn lại là riêng biệt.

Trong mười một câu còn lại, bởi vì không ca ngợi..., tức là không tích tập thiện căn tự tại được thấy Phật, trong đó có hai: Hai câu trước là bởi vì không ca ngợi về quả, chín câu sau là bởi vì không tu tập về nhân.

Trong chín câu sau cũng có hai: Năm câu đầu là thiếu về Hạnh thuộc Tự phần, bốn câu sau là thiếu về Hạnh thuộc Thắng tiến. Cũng là trước trình bày về tâm hẹp hòi, sau hiển bày về tâm yếu kém, cho nên không thể nào nhìn thấy.

Trong sáu câu sau-Từ “Bổn bất đắc Bồ-tát nhãn...” trở xuống là giải thích về nguyên nhân không nhìn thấy Bồ-tát: 1- Không nhìn thấy mười Nhân đã nhìn thấy pháp giới vô ngại; 2- Thiếu nhân của Trí không có gì chướng ngại. Nếu chỉ tu về Chân Thường lìa xa ý niệm, thì giống

với pháp thiện Bồ-đề của Nhị thừa. Trong kinh Pháp Hoa thì Du hý thần thông, tức là nghe mà không vui; trong này vui mà không nghe. Còn lại có thể suy nghĩ. Trong nhân của mình đã không tu tập-không nhìn thấy, mong các vị Hậu học tu tập về nhân được thấy Phật, đừng đắm vào vắng lặng sâu xa!

*Mục c-* nêu ra thù thắng để chọn ra yếu kém: Nói những pháp như vậy, là chỉ ra pháp đã không nhìn thấy như Thần thông... của Phật trước đây, Trí-Cảnh của Phổ Hiền tức là nêu ra thù thắng, không giống với Nhị thừa gọi là chọn ra yếu kém

*Mục d-* Từ “Dĩ thị nhân duyên...” trở xuống là kết luận về không thấy nghe, bởi vì thiếu nhân trước đây, cho nên không thể nào nhìn thấy nhân duyên của cảnh thù thắng. Trong đó, câu đầu và câu sau là tổng quát trình bày, mười câu giữa là riêng biệt hiển bày, nghĩa là: Mắt không nhìn thấy, tâm không nhận biết, tai không nghe đến, vốn có mà không chứng được, mới thành tựu không thể đạt được, không có phương tiện, không thể nào nghĩ nhớ quán tưởng, không có hậu đắc, không thể nào phân biệt Sự-Lý, tư duy về ý nghĩa, trừ lượng về cạn sâu.

**Trong mục 2:** Là trình bày bởi vì thiếu duyên của hiện tại, cho nên không nhìn thấy, có ba: a- Trình bày bởi vì không có đức hạnh thù thắng, cho nên không nhìn thấy; b- Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là trình bày bởi vì trú vào giải thoát thuộc về Thừa của mình, cho nên không nhìn thấy; c- Từ “Thị cố tuy tại...” trở xuống là kết luận thành tựu về không nhìn thấy.

*Mục a,* phân hai tiết: Một- Có mười câu trình bày về không có đức hạnh thù thắng, tức là những cảnh không nhìn thấy trước đây, cũng tức là nhân quá khứ không tu tập về hạnh Thắng tiến trước đây. Bốn câu phân biệt là bởi vì không tu tập cho nên không có, bởi vì không có cho nên không nhìn thấy. Câu đầu là tổng quát, các câu còn lại là riêng biệt. Thế lực tức là Gia trì, còn lại đều giống như trước. Hai- Từ “Thị cố ư thử...” trở xuống có mười câu hiển bày về không thể nào nhìn thấy. Nhập có hai nghĩa, vẫn trước dựa theo Chứng, nay dựa theo thông hiểu rõ ràng. Còn lại có thể biết.

*Trong mục b* là trình bày bởi vì trú vào Thừa của mình, cho nên không nhìn thấy: Trước là đưa ra, sau là giải thích. Bởi vì hai mục này lặp đi lặp lại tác thành lẫn nhau, cho nên đưa ra để giải thích, nghĩa là vì sao không có thiện căn như vậy...? Bởi vì trú vào Thừa của mình mà tác chứng. Cũng nên đưa ra rằng: Vì sao tác chứng? Bởi vì không có thiện căn trước đây. Vốn không có gì ở trước mắt, cho nên lược qua không

trình bày mà thôi.

Mục này cũng giống như kinh Pháp Hoa, tự giải thích về tâm không vui thích rằng: Nguyên cơ vì sao? Bởi vì Đức Thế Tôn khiến cho chúng ta chứng được Niết-bàn mà ra khỏi ba cõi.

Văn giải thích cũng có hai tiết: Một- Trình bày về tác chứng trú vào Thừa của mình; Hai- Từ “Ư bỉ trí tuệ...” trở xuống là kết luận thành tựu về vốn không có gì.

*Tiết một-* Trình bày về tác chứng trú vào Thừa của mình, có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt: 1- Đạo, bởi vì Kiến đạo-Tu đạo đoạn trừ Tập của phiền não, không giống như những Đạo vô trú của Bồ-tát. 2-3 là Hạnh-Quả có thể biết. 4- Trí quán sát về Đế riêng biệt, nghĩa là ngã thì Không mà pháp thì Hữu, không thể nào ngã thì Hữu mà pháp thì Không, gọi là Đế thuộc Hữu-Vô; bởi vì chứng đạt Hiện quán, cho nên gọi là Trí quyết định, không có Lý thuộc ba Đế về Đệ nhất nghĩa Trung đạo của Bồ-tát, cũng như Niết-bàn của Thanh văn có Đế mà không có Chân Thật. 5-Bởi vì đã chứng Lý. 6- Bởi vì rời bỏ Sự. Ba câu sau là thành tựu về hạnh của Thanh văn trước đây: 7- Bên trong không có tâm Bi. 8- Bên ngoài rời bỏ chúng sinh. 9- Chỉ tự điều phục mình.

Lại mười câu trên đây tổng quát làm thành bốn sự mất mát: 1- Câu đầu là ra khỏi thô mà không ra khỏi tế, bởi vì chỉ ra khỏi Phần đoạn. 2- Bốn câu tiếp là có được Quyền mà mất Thật. 3- Ba câu tiếp là đắm vào vắng lặng mà mất Bi. 4- Hai câu sau là rời bỏ chúng sinh, chỉ độ chính mình.

*Tiết hai:* là kết luận thành tựu về vốn không có gì, tức là bởi vì trú vào Thừa của mình, cho nên không có Trí... trước đây, cũng có mười câu, chỉ đối với một Trí trước đây mà có mười loại không thể nào thực hiện được. Còn lại Tam-muội... dựa theo đây có thể biết.

*Mục hai-* Từ “Phật tử, như hằng hà...” trở xuống là Dụ hiển bày. Văn có mười Dụ, từ xưa đến nay các Sư đều đem phối hợp với mười câu mê mờ về quả của Phật trước đây, chỉ riêng một Dụ thứ chín về hai vị Trời, dụ cho tướng tốt trang nghiêm của Như Lai ở câu thứ hai trước đây, còn lại đều như thứ tự. Điều này cũng có lý.

Nay giải thích có hai cách: 1- Tùy theo mỗi một Dụ, tổng quát dụ cho cảnh không nhìn thấy như nhân quả..., bởi vì trong văn Hợp cũng nói không nhìn thấy chúng Bồ-tát. Lại không dụ cho đức của Bồ-tát, bởi vì không hết nghĩa. Lại trong văn Hợp phần nhiều thuận theo tổng quát để Hợp, chỉ nói là không nhìn thấy thân biến của Như Lai, là trình bày

bao gồm các câu. 2- Riêng biệt dụ về các đức, nếu tất cả không riêng biệt, thì đâu cần phải nhiều Dụ, nhưng tuy Dụ riêng biệt cũng bao gồm nhân quả.

Chín Dụ trước dựa theo cảnh thù thắng làm Dụ, nghĩa là Dụ về Hằng hà, Tu-di... là dụ cho đức của Phật; một Dụ sau dựa vào pháp yếu kém làm Dụ, bởi vì tiến vào Diệt tận định là dụ cho Nhị thừa.

Ở trong chín Dụ trước, phối hợp với mê mờ về đức của Bồ-tát, nghĩa ấy thì theo thứ tự; phối hợp với mê mờ về đức của Như Lai, thì nghĩa có phần không theo thứ tự. Nghĩa riêng biệt của Dụ, đến văn sẽ biết.

Vả lại, Dụ thứ nhất-thứ năm và thứ mười, chỉ dụ cho Thanh văn không nhìn thấy; Dụ thứ hai-thứ ba-thứ tư và thứ bảy, cùng dụ cho Bồ-tát và Thanh văn, nhìn thấy-không nhìn thấy khác nhau; ba Dụ còn lại dụ cho Phật đối với Thanh văn, luận về nhìn thấy-không nhìn thấy. Có ba loại này, là văn phỏng theo tóm lược mà thôi.

Lại chỉ dựa theo Thanh văn mà nói, là bởi vì mười Dụ đều dụ cho không có đức ấy, trong đó: Một Dụ đầu bao gồm dụ cho có chướng ngại, một Dụ sau bao gồm dụ cho trú vào Thừa của mình.

Lại ngay nơi chín Dụ trước dựa theo cảnh thù thắng làm Dụ, hiển bày về chín loại đức thù thắng; một Dụ sau là một loại tổng quát trình bày về Bất cộng, hiển bày về mười loại Vô tận. Trong chín đức trước, mỗi một đức đều đầy đủ hai ý tổng quát và riêng biệt.

**Dụ thứ nhất:** Dụ về quỷ đứng trước sông Hằng, sông Hằng trong xanh tuôn chảy, tổng quát dụ cho đức thấm nhuần làm lợi ích rất sâu xa của Phật và Bồ-tát, riêng biệt dụ cho đức thuộc Thần lực của Phật và đức thuộc cảnh giới của Bồ-tát. Dùng hai câu này làm đầu bởi vì tổng quát. Quỷ dụ cho Nhị thừa bởi vì có Sở tri chướng cho nên không nhìn thấy, cũng dụ cho không đạt được các pháp Hỷ.

Nói nọ quỷ..., là phần Sinh đã hết là quỷ, không có được chiếc áo của Vô sinh nhẫn là thân hình trần trỗng, không có được thức ăn của Hạnh thuộc pháp giới là đói, không có được mùi vị của Giải thoát chân thật là khát. Vì vậy cho nên gọi là thêm khát (Nọ).

Trên đây đều là không có Đạo chân thật, tức là nghiệp còn lại. Do hành khổ mà thay đổi, bị đốt cháy toàn thân, tức là khổ còn lại. Chấp Không là loài Quạ-Kên Kên, chấp Hữu là loài Lang-Sói, đối với kiến chấp này dấy lên quyết định hiểu rõ là vô lấy.

Bên trong hàm chứa Đại cơ có phần giải thoát chân thật, gọi là bị cơn khát bức bách mà mong cầu nước uống. Thân ở trong pháp hội, gọi

là đứng bên bờ sông. Không nhìn thấy thần biến, gọi là không nhìn thấy sông. Tuy nhìn thấy Đức Thế Tôn, mà chỉ nhìn thấy Sắc thân trượng sáu, là nhìn thấy khô cạn. Vô minh che kín đôi mắt, gọi là nghiệp chướng, tức là phiền não.

Từ “Dư hậu bỉ đại...” trở xuống là trong Hợp: Trước là hợp với nghiệp chướng, sau từ “Bất đắc dĩ...” trở xuống là hợp với thân hình trần trụi...

**Dụ thứ hai:** Dụ về tỉnh giấc-trong mộng trái ngược nhau. Mộng đi đến cung trời, tổng quát dụ cho đức rộng lớn cao vời rõ ràng của Phật và Bồ-tát là rộng lớn, riêng biệt dụ cho Du hý thần biến của Như Lai.

Hai Dụ này và từ “Bồ-tát Đại hội...” trở xuống có mười một câu, Dụ rất giống nhau. Nhưng tám Dụ dưới đây dựa theo dụ cho Nhị thừa, trình bày về không có đức ấy, cũng có tổng quát-riêng biệt. Tổng quát thì không hiểu rõ đối với mỗi một đức, đều bởi vì thiếu mất nhân-duyên trước đây; riêng biệt thì đều dụ cho không có đức không giống nhau.

Một Dụ này là bởi vì không có thần thông như vậy, lại bởi vì không biết Bồ-tát như giấc mộng.

Nhưng trong văn Hợp, trình bày bởi vì không có mắt Trí như vậy, là thuận theo tướng tổng quát mà kết hợp; những đoạn sau đều kết hợp với không có mắt.

Trong văn: Trước là Dụ; sau từ “Nhất thiết Bồ-tát...” trở xuống là Hợp.

Trong Hợp có hai: Đầu là hợp với trong mộng thì tự mình nhìn thấy; sau từ “Nhất thiết Thanh văn...” trở xuống là hợp với Đại chúng trong pháp hội không nhìn thấy. Đều có thể suy nghĩ.

**Dụ thứ ba:** Dụ về người ngu đứng trước núi Tuyết. Thuộc quý ở núi Tuyết, tổng quát dụ cho đức sâu xa khó nhìn thấy, riêng biệt dụ cũng là dụ cho cảnh giới của Phật. Cảnh giới của Bi là dụ cho nơi trú vào của Bồ-tát, bởi vì tâm Bi cứu giúp chúng sinh là nơi trú vào. Những người săn bắt, là dụ cho Thanh văn không có Đại Bi cứu giúp căn bệnh của chúng sinh, cũng là bởi vì không có cảnh giới như vậy.

**Dụ thứ tư:** Dụ về kho báu ẩn kín khó biết. Kho báu là tổng quát dụ cho đức bí mật khó biết, riêng biệt dụ cho đức cao quý thù thắng của Như Lai, bởi vì đáng quý trọng. Dụ cho Tam-muội mà Bồ-tát tiến vào, và quán sát luôn luôn tự mình dũng mãnh cúng dường, như Dụ suy nghĩ điều này! Phước mỏng là dụ cho Thanh văn, bởi vì không có uy đức như vậy.

**Dụ thứ năm:** Dụ về người mù không nhìn thấy vật báu. Hòn đảo

châu báu, tổng quát dụ cho đức rất sâu xa khó lường, riêng biệt dụ cho Diệu hạnh của Như Lai, bởi vì tích tập công hạnh trọn vẹn tuyệt diệu. Dụ cho Bồ-tát thọ ký thành thực dũng mãnh, có thể biết. Người mù dụ cho Nhị thừa, bởi vì không có thiện căn như vậy.

**Dụ thứ sáu:** Dụ về mắt trong sáng không có chướng ngại, tổng quát dụ cho đức của Trí soi chiếu khó lường, riêng cho uy đức của Như Lai. Từ “Bồ-tát Pháp thân...” trở xuống có năm câu dụ cho không nhìn thấy oai nghi, bởi vì Nhị thừa không có tự tại như vậy.

**Dụ thứ bảy:** Dụ về cảnh của Biến Xứ Định, tổng quát dụ cho đức rộng khắp mọi nơi khó suy nghĩ, riêng biệt dụ cho quốc độ thanh tịnh của Như Lai, ánh sáng thường có của Bồ-tát trang nghiêm nhiều màu sắc, Bồ-tát phát ra mạng lưới ánh sáng rực rỡ rộng lớn. Không nhìn thấy cảnh Định là dụ cho Thanh văn, bởi vì không có Tam-muội như vậy.

Trong Dụ nói Biến xứ, là quán sát rộng khắp ở tất cả mọi nơi không hề có kẽ hở, cho nên gọi là Biến xứ. Nhưng các luận Du Già-Trí Độ-Câu Xá đều nói có mười Biến xứ, nay có mười hai, tám loại trước giống với các Luận ấy.

Trong đó: Biến xứ thứ chín gọi là Không Biến xứ, thứ mười gọi là Thức Biến xứ. Trước hết quán sát màu xanh... rộng khắp mọi nơi. Tiếp đến quán sát màu xanh... là dựa vào nơi nào? Nhận biết là bởi vì mặt đất... Tiếp đến suy nghĩ về màu sắc đã quán sát, vì sao rộng lớn? Nhận biết là bởi vì hư không. Tiếp đến suy nghĩ về màu sắc có thể quán sát, nhận biết là bởi vì dựa vào Thức. Tám loại trước dựa vào Tĩnh lực thứ tư, quán sát mong muốn có thể nhìn thấy Sắc, hai loại sau dựa vào Định Vô sắc.

Luận Du Già quyển thứ 12 nói: “Vì sao Biến xứ chỉ nói kiến lập Sắc xứ và Xúc xứ? Bởi vì hai loại này cùng chung thân mình và thân khác, thường nối tiếp nhau có khắp ở cõi Sắc. Sắc thuộc về căn như Nhãn... chỉ thuộc về thân mình, Hương trần và Vị trần không có khắp tất cả, Thanh trần có gián đoạn, vì thế cho nên không nói đến. Trong cõi Vô sắc, Không có khắp tất cả mọi nơi, cảnh hiện hành của Thức cũng có khắp tất cả, cho nên thiết lập hai loại này.”

Nay dùng Tông chỉ riêng biệt hợp với hai loại Không-Thức làm Biến xứ Thiên. Luận trước đây đã chọn ra, đều có lẽ dựa vào Tưởng xứng với Tánh rộng khắp mọi nơi, thêm vào ba sự việc.

Loại thứ mười gọi là Biến xứ về đủ loại thân của chúng sinh, tức là Sắc thuộc về căn như Nhãn... đã chọn ra trước đây. Loại thứ mười một là ngôn ngữ âm thanh, tức là Thanh trần trước đây. Loại thứ mười hai

là tất cả sở duyên, tức là cảnh của sáu trần, là thu nhận Hương-Vị trước đây và cảnh thuộc Pháp trần.

Ví dụ nói về Biến xứ Thiên này, cũng có thể bao gồm các cõi trời.

Tiếp từ “Như Lai sở hiện...” trở xuống là Hợp, vẫn có thể biết.

**Dụ thứ tám:** Dụ về vị thuốc tuyệt diệu che kín hình hài, tổng quát dụ cho đức ẩn hiện vượt lên trên thế gian, riêng biệt dụ cho đức trú trì của Như Lai. Dụ cho đức khởi lên vắng mây biến hóa của Bồ-tát. Không nhìn thấy là dụ cho Thanh văn, bởi vì không có giải thoát như vậy.

**Dụ thứ chín:** Dụ về hai vị Trời đi theo người, tổng quát dụ cho đức vi diệu khó hư hoại, riêng biệt dụ cho đức của các Hạnh viên mãn, thân Bồ-tát có khắp mười phương, là tướng tốt trang nghiêm của Như Lai. Không nhìn thấy hai vị Trời là dụ cho Nhị thừa, bởi vì không có thể lực như vậy, cũng dụ cho không có tâm Bi bởi vì rời bỏ chúng sinh.

**Dụ thứ mười:** Dụ về Diệt Định không hiện hành, chỉ dụ cho Thanh văn, bởi vì an trú trong Thừa của mình mà chứng đạt Thật tế, cũng tổng quát dụ cho không có đức.

Lại mười Dụ trên đây, từ sau ngược theo thứ tự phối hợp với nhân thiếu hụt trước đây. Mười câu sau, nghĩa là: Một- Dụ cho không có pháp Hỷ; Hai- Dụ cho không nhận biết Bồ-tát như trong mộng; Ba- Dụ cho không sinh ra từ nơi gia bị của Như Lai... Như Lý suy nghĩ điều này! Mười câu trước, chỉ tổng quát làm nhân của không nhìn thấy.

**Mục ba-** Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là đưa ra để kết luận thành tựu, vẫn có mười câu kết luận về mười Dụ trước đây, chỉ riêng câu thứ bảy-thứ tám là thuận theo Hợp trước đây cho nên có lùi về trước đây, còn lại đều như thứ tự.

Trên đây là Pháp-Dụ mở rộng hiển bày về Thanh văn không nhìn thấy-không nghe đến...

Hỏi: Kinh Bát Nhã trình bày Thanh văn hoặc là Trí hay là Đoạn, đều là Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát, nếu là Nhãn của Bồ-tát, vì sao vẫn trên đều nói là không có đức của Bồ-tát? Lại trong kinh Văn Thù Tuần Hành nói năm trăm Thanh văn nghe mà không tin, kinh Pháp Hoa không xem thường cũng khiến cho nghe đến, sao trong này có thể không khiến cho nghe đến?

Đáp: Bởi vì hiển bày về Bất cộng, do đó Trí Luận trình bày về Bát-nhã có Cộng và Bất cộng, dựa vào kinh không thể nghĩ bàn này, cho nên nói là không chung với Nhị thừa.

Vả lại, nghi thức giáo hóa của Đại Thánh thì chủng loại không





giống nhau, hoặc là khiến cho nghe mà không tin để làm chũng tử xa, như trước đây đã dẫn ra; hoặc là dùng uy lực khiến cho rời khỏi pháp hội, như trong kinh Pháp Hoa nói năm ngàn Tỳ-kheo rời khỏi chỗ ngồi; hoặc là khiến cho ở trong pháp hội mà không nghe thấy, tức là như kinh này.

Nhưng kinh Pháp Hoa là cuối cùng của Tiệm giáo, bởi vì muốn thu nhận chũng tử hư hoại, cho nên gia hộ khiến loại ấy rời xa để đốc thúc khích lệ Đại chúng trong pháp hội, làm cho họ tin nhận. Kinh này là bắt đầu của Đốn giáo, bởi vì hiển bày về sâu xa thù thắng, giữ lại làm cho không nghe thấy, khiến những người Hậu học tu tập chũng tử của thấy-nghe.

Vả lại, Đại thừa bao gồm Tiểu thừa, thì Trí-Đoạn ấy đều là Pháp nhãn của Bồ-tát, Trí của Tiểu thừa không nhận biết Trí của Đại thừa, cho nên ở đây nói: Đối với ĐẾ thuộc Hữu-Vô dấy lên quyết định hiểu về không thấy-không nghe.

Lại nếu như đã khai Quyền hiển Thật, thì Quyền là Tiệm của Thật, cho nên kinh Pháp Hoa nói: “Công hạnh của các ông là Đạo của Bồ-tát.” Nếu như Quyền-Thật đối lập với nhau, thì như đui điếc mà không phải là pháp khí.

Điều ấy giống như lấy dân đen để so sánh với vua chúa, thì sang-hèn khác nhau một trời một vực. Lấy vua chúa để thu nhận dân đen, thì nhất định trong lãnh thổ không có ai không phải là dân chúng của vua chúa.

Vì vậy, nếu dựa theo thu nhận tất cả, thì tất cả chúng sinh không có ai không có đủ Trí tuệ của Như Lai, hưởng hồ đối với nhân quả vô lậu của Nhị thừa hay sao?

Nếu so sánh về hơn-kém, thì Bồ-tát Quyền giáo thực hành đã lâu hãy còn không tin tưởng lắng nghe, hưởng hồ đối với Nhị thừa hay sao? Nhị thừa ở hàng Thượng thủ hãy còn như đui như điếc, hưởng hồ phạm phu ngoại đạo hay sao?

Đã không phải là pháp khí ấy, vốn không phù hợp để nêu ra, nhưng bởi vì hiển bày về pháp thù thắng, mà Bồ-tát Đại thừa phương tiện thị hiện làm Thanh văn đui điếc. Vì vậy biết rằng đui điếc có năng lực đối với pháp thù thắng, cho nên có thể hiển bày về pháp thù thắng, thù thắng và yếu kém hưởng về với nhau, Lực Dụng đan xen xuyên suốt, thành tựu Đại duyên khởi mới là sâu xa huyền diệu.

